

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA**



BÀI TẬP LỚN MÔN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

ĐỀ TÀI:

**VẤN ĐỀ DÂN TỘC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN
CHỦ NGHĨA XÃ HỘI. THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC CỦA
ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC VIỆT NAM HIỆN NAY**

LỚP L09--- NHÓM 19 --- HK242

NGÀY NỘP 16/03/2025

Giảng viên hướng dẫn: ThS. ĐOÀN VĂN RE

Sinh viên thực hiện	Mã số sinh viên	Điểm số
Nguyễn Thanh Tùng	2213873	
Hồ Mạnh Tường	2313832	
Đoàn Nguyễn Hoàng Việt	2313888	
Phạm Công Võ	2313946	
Chu Văn Long Vũ	2313948	
La Thế Vũ	2213993	
Nguyễn Tường Vy	2214046	

Thành phố Hồ Chí Minh – 2025

TRƯỜNG ĐẠI HỌC BÁCH KHOA
KHOA KHOA HỌC ỨNG DỤNG
BỘ MÔN LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ








BÁO CÁO KẾT QUẢ LÀM VIỆC NHÓM VÀ BẢNG ĐIỂM BTL

Môn: **CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC** (MSMH: SP1035)

Nhóm/Lớp: L09. Tên nhóm: 19. HK 242. Năm học 2024 - 2025

Đề tài:

**VẤN ĐỀ DÂN TỘC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI.
THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC VIỆT NAM HIỆN NAY**

STT	Mã số SV	Họ	Tên	Nhiệm vụ được phân công	% Điểm BTL	Điểm BTL	Ký tên
1	2213873	Nguyễn Thanh	Tùng	Phần mở đầu, phần 1.1	14,28%		
2	2313832	Hồ Mạnh	Tường	Phần kết luận, tổng hợp báo cáo	14,28%		
3	2313888	Đoàn Nguyễn Hoàng	Việt	Phần 2.4, tóm tắt chương 2	14,28%		
4	2313946	Phạm Công	Võ	Phần 2.3	14,28%		
5	2313948	Chu Văn Long	Vũ	Phần 2.2	14,28%		
6	2213993	La Thê	Vũ	Phần 1.2, tóm tắt chương 1	14,28%		
7	2214046	Nguyễn Tường	Vy	Phần 2.1	14,28%		

Họ và tên nhóm trưởng: Hồ Mạnh Tường, Số ĐT: 0814519011 Email: tuong.ho2313832@hcmut.edu.vn

Nhận xét của GV:

GIẢNG VIÊN
(Ký và ghi rõ họ, tên)

ThS. Đoàn Văn Re

NHÓM TRƯỞNG
(Ký và ghi rõ họ, tên)



Hồ Mạnh Tường

BẢNG TỪ VIẾT TẮT

STT	NỘI DUNG	TỪ VIẾT TẮT
1	Thành phố	TP
2	Dân tộc thiểu số và miền núi	DTTS&MN
3	Dân tộc thiểu số	DTTS
4	Đồng bào dân tộc thiểu số	ĐBDTTS
5	Chính sách dân tộc	CSDT
6	Miền núi	MN

MỤC LỤC

	Trang
I. MỞ ĐẦU	3
II. NỘI DUNG.....	6
Chương 1. VẤN ĐỀ DÂN TỘC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI.....	6
1.1. Khái niệm, đặc trưng cơ bản của dân tộc	6
<i>1.1.1. Khái niệm dân tộc.....</i>	<i>6</i>
<i>1.1.2. Đặc trưng cơ bản của dân tộc</i>	<i>6</i>
1.2. Chủ nghĩa Mác-Lênin về vấn đề dân tộc.....	8
<i>1.2.1. Hai xu hướng khác nhau của sự phát triển dân tộc</i>	<i>8</i>
<i>1.2.2. Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác-Lênin.....</i>	<i>8</i>
Chương 2. THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC VIỆT NAM HIỆN NAY	11
2.1. Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam	11
<i>2.1.1. Về chính trị.....</i>	<i>11</i>
<i>2.1.2. Về kinh tế - xã hội.....</i>	<i>12</i>
<i>2.1.3. Về văn hóa.....</i>	<i>13</i>
<i>2.1.4. Về quốc phòng - an ninh</i>	<i>14</i>
2.2. Thực trạng thực hiện chính sách dân tộc ở Việt Nam	15
<i>2.2.1. Những thành tựu đạt được trong việc thực hiện chính sách dân tộc ở Việt Nam thời gian qua</i>	<i>15</i>
<i>2.2.1.1. Trong lĩnh vực kinh tế.....</i>	<i>15</i>
<i>2.2.1.2. Trong lĩnh vực văn hoá – xã hội</i>	<i>16</i>
<i>2.2.1.3. Trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo</i>	<i>17</i>

2.2.1.4. Trong lĩnh vực y tế và chăm sóc sức khoẻ	18
2.2.2. Những thách thức hiện tại trong việc thực hiện chính sách dân tộc ở Việt Nam	19
2.2.2.1. Thách thức về kinh tế và phát triển bền vững.....	19
2.2.2.2. Thách thức về bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc	20
2.2.2.3. Thách thức về giáo dục và nguồn nhân lực	20
2.2.3. Quan điểm phê phán về việc thực hiện chính sách dân tộc ở Việt Nam .	23
2.3. Giải pháp tiếp tục thực hiện chính sách dân tộc ở Việt Nam trong thời gian tới	23
2.3.1. Giải pháp về hoàn thiện cơ chế, chính sách.....	25
2.3.2. Giải pháp về phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số.....	26
2.3.3. Giải pháp về giáo dục, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.....	26
2.3.4. Giải pháp về bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.....	28
2.3.5. Giải pháp về tăng cường đoàn kết dân tộc và hội nhập quốc tế.....	29
2.4. Liên hệ phát huy vai trò của sinh viên trong việc góp phần thực hiện chính sách dân tộc trong trường học và ở địa phương nơi cư trú	30
2.4.1. Vai trò của sinh viên trong việc thực hiện chính sách dân tộc	31
2.4.2. Các hình thức sinh viên có thể tham gia thực hiện chính sách dân tộc..	31
2.4.3. Đề xuất các biện pháp phát huy vai trò của sinh viên trong thực hiện chính sách dân tộc.....	34
III. KẾT LUẬN.....	36
IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO	37

I. MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước, ở bất kỳ quốc gia nào, vấn đề dân tộc luôn là vấn đề quan trọng hàng đầu, là nền móng để xây dựng một quốc gia vững mạnh, đặc biệt là trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Việt Nam là một đất nước đa dạng văn hóa và bản sắc dân tộc với 54 dân tộc cùng sinh sống, mỗi dân tộc lại có phong tục, tập quán riêng, trong đó dân tộc Kinh chiếm tới 85,4% dân số Việt Nam, còn lại chỉ có 14,6% là các dân tộc thiểu số khác. Điều này càng làm vấn đề dân tộc được quan tâm hơn bao giờ hết.

Theo Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác – Lênin, vấn đề dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được khái quát thành các nội dung quan trọng bao gồm quyền bình đẳng dân tộc, quyền tự quyết dân tộc và đoàn kết giữa các dân tộc. Trong đó, đoàn kết dân tộc là nội dung chủ yếu và quan trọng nhất để liên kết các nội dung của Cương lĩnh dân tộc thành một chỉnh thể. Trong quá khứ, Việt Nam ta nhiều lần bị các quốc gia khác xâm lược, đe dọa đến quyền tự do, quyền tự quyết dân tộc. Chính nhờ sự đoàn kết giữa các dân tộc là yếu tố cốt lõi, là sức mạnh to lớn hơn bất cứ thứ gì để đưa Việt Nam giành thắng lợi, mang lại sự độc lập tự do cho nhân dân.

“Trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng ta luôn coi trọng vấn đề dân tộc và đã đề ra chủ trương, chính sách dân tộc với nguyên tắc nhất quán: các dân tộc “bình đẳng, đoàn kết, tương trợ nhau cùng phát triển”. Chính sách của Đảng được đồng bào các dân tộc ủng hộ, đón nhận và ra sức thực hiện, tạo động lực to lớn, góp phần quan trọng vào thắng lợi của cách mạng dân tộc, dân chủ và những thành tựu to lớn của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Trong giai đoạn hiện nay, trước yêu cầu của công cuộc đổi mới toàn diện, đồng bộ đất nước và hội nhập quốc tế với những thời cơ và thách thức đan xen, việc giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc có ý nghĩa quan trọng trong xây dựng, phát huy sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phấn đấu vì mục tiêu xây dựng đất nước giàu mạnh”¹.

Trên mục tiêu đó, Đảng đã ban hành nhiều nghị quyết, chỉ thị như Nghị quyết 22-NQ/TW ngày 27-11-1989 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách lớn phát

¹ Lê Văn Lợi. (27/03/2019). *Giải quyết vấn đề dân tộc ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay*. Truy cập từ: <https://tcnn.vn/news/detail/42655/>.

triển kinh tế - xã hội miền núi; Nghị quyết số 24/NQ/TW ngày 12-3-2003 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc; Chỉ thị số 49-CT/TW ngày 20-10-2015 của Ban Bí thư về tăng cường và đổi mới công tác dân vận của Đảng ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số,...

Trong thực tế, nhiều chủ trương, chính sách về dân tộc, nhất là đối với đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn đã phát huy hiệu quả cao, thể hiện rõ ở các thành tựu đạt được trên các lĩnh vực cơ bản của đời sống xã hội.

Về kinh tế, vùng đồng bào dân tộc thiểu số có những bước phát triển tiến bộ rõ rệt, đời sống người dân ngày càng được nâng lên, đẩy mạnh phát triển, sản xuất, xây dựng cơ sở hạ tầng (bệnh viện, trường học, đường xá,...), nâng cao nhận thức, trình độ văn hóa và đời sống tinh thần cho nhân dân.

Về chính trị, thực hiện tốt bình đẳng giữa các dân tộc trong cộng đồng dân tộc Việt Nam theo quy định của Hiến pháp. Các dân tộc chung sống hòa hợp, yêu thương, giúp đỡ lẫn nhau, tích cực tham gia đóng góp vào sự nghiệp phát triển đất nước. Bên cạnh đó cũng chú tâm đến xây dựng hệ thống, cơ sở chính trị, đội ngũ cán bộ và đảng viên ở vùng đồng bào các dân tộc thiểu số.

Tuy nhiên, bên cạnh nhiều thành tựu đạt được, việc giải quyết các vấn đề dân tộc hiện nay vẫn còn tồn đọng một vài hạn chế. Trong xây dựng và triển khai chính sách pháp luật về dân tộc còn thiếu quy định về quy trình xây dựng chính sách và một số chính sách phát triển bền vững cho dân tộc thiểu số, tốc độ phát triển chưa tương xứng với tiềm năng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, sản xuất nông nghiệp còn chiếm tỷ trọng lớn,... Ngoài ra vẫn còn sự chênh lệch giàu nghèo giữa một số dân tộc, bản sắc văn hóa truyền thống của nhiều dân tộc đang dần mai một,... Những điều này đặt ra nhiều khó khăn và thách thức trong việc giải quyết triệt để các vấn đề dân tộc.

Xuất phát từ tình hình thực tế trên, nhóm chọn đề tài: ***“Vấn đề dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam hiện nay”*** để nghiên cứu.

2. Đối tượng nghiên cứu

Thứ nhất, vấn đề dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Thứ hai, thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam hiện nay.

3. Phạm vi nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu thực trạng và giải pháp thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam hiện nay.

4. Mục tiêu nghiên cứu

Mục tiêu nghiên cứu của đề tài:

Thứ nhất, làm rõ lý luận cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin về dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; chính sách dân tộc Việt Nam.

Thứ hai, đánh giá thực trạng thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam thời gian qua.

Thứ ba, đề xuất giải pháp thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam thời gian tới.

5. Phương pháp nghiên cứu

Đề tài sử dụng phương pháp nghiên cứu của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử. Đồng thời, đề tài sử dụng kết hợp nhiều phương pháp nghiên cứu, trong đó chủ yếu nhất là các phương pháp: phương pháp thu thập số liệu; phương pháp phân tích và tổng hợp; phương pháp lịch sử - logic;...

6. Kết cấu của đề tài

Ngoài mục lục, phần mở đầu, kết luận và tài liệu tham khảo, đề tài gồm 2 chương:

Chương 1: Vấn đề dân tộc trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Chương 2: Thực hiện chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam hiện nay.

II. NỘI DUNG

Chương 1. VẤN ĐỀ DÂN TỘC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

1.1. Khái niệm, đặc trưng cơ bản của dân tộc

1.1.1. Khái niệm dân tộc

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, dân tộc là quá trình phát triển lâu dài của xã hội loài người, trải qua các hình thức cộng đồng từ thấp đến cao, bao gồm: thị tộc, bộ lạc, bộ tộc, dân tộc. Sự biến đổi của phương thức sản xuất là nguyên nhân quyết định sự biến đổi của cộng đồng dân tộc.

Khái niệm dân tộc được hiểu theo hai nghĩa rộng và nghĩa hẹp:

“*Theo nghĩa rộng*, dân tộc là khái niệm để chỉ một cộng đồng người ổn định làm thành nhân dân một nước, có lãnh thổ riêng, nền kinh tế thống nhất, có ngôn ngữ chung và có ý thức về sự thống nhất của mình, gắn bó với nhau bởi quyền lợi chính trị, kinh tế, truyền thống văn hóa và truyền thống đấu tranh chung trong suốt quá trình lịch sử lâu dài dựng nước và giữ nước. Với nghĩa này, khái niệm dân tộc dùng để chỉ một quốc gia, nghĩa là toàn bộ nhân dân của một nước. Ví dụ, dân tộc Ấn Độ, dân tộc Trung Hoa, dân tộc Việt Nam,...

Theo nghĩa hẹp, dân tộc là khái niệm dùng để chỉ một cộng đồng tộc người được hình thành trong lịch sử, có mối liên hệ chặt chẽ và bền vững, có chung ý thức tự giác tộc người, ngôn ngữ và văn hóa. Cộng đồng này xuất hiện sau bộ lạc, bộ tộc, kế thừa và phát triển cao hơn những nhân tố tộc người của các cộng đồng đó. Với nghĩa này, dân tộc là một bộ phận hay thành phần của quốc gia. Chẳng hạn, Việt Nam là quốc gia có 54 dân tộc, tức 54 cộng đồng tộc người. Sự khác nhau giữa các cộng đồng tộc người ấy biểu hiện chủ yếu ở đặc trưng văn hóa, lối sống, tâm lý, ý thức tộc người”¹.

1.1.2. Đặc trưng cơ bản của dân tộc

Theo nghĩa rộng, dân tộc có những đặc trưng cơ bản sau:

¹ Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia-Sự thật, tr.196-197-199-200.

Thứ nhất, có chung một vùng lãnh thổ ổn định. Lãnh thổ là không gian bao gồm vùng đất, vùng trời, vùng biển mà mỗi dân tộc sinh sống, cư trú và sở hữu. Lãnh thổ của một dân tộc thể hiện chủ quyền của dân tộc đó đối với các quốc gia, dân tộc khác. Vận mệnh của dân tộc gắn liền với việc xác lập và bảo vệ lãnh thổ quốc gia.

Thứ hai, có chung một phương thức sinh hoạt kinh tế. Phương thức sinh hoạt kinh tế là cơ sở để gắn kết các bộ phận, thành viên trong dân tộc, tạo nên tính thống nhất, ổn định, bền vững của dân tộc.

Thứ ba, có chung một ngôn ngữ làm công cụ giao tiếp. Mỗi dân tộc đều có ngôn ngữ riêng để nói, viết, làm công cụ giao tiếp giữa các thành viên trong mọi lĩnh vực. Trong một quốc gia có nhiều dân tộc, với các ngôn ngữ khác nhau, nhưng bao giờ cũng sẽ có một ngôn ngữ chung thống nhất làm ngôn ngữ chính.

Thứ tư, có chung một nền văn hóa và tâm lý. Văn hóa được biểu hiện qua tâm lý, tính cách, lối sống, phong tục, tập quán, là bản sắc riêng của mỗi dân tộc. Văn hóa là một yếu tố đặc biệt quan trọng trong sự liên kết cộng đồng dân tộc. Việc giao lưu văn hóa là điều không thể thiếu, nhằm làm đa dạng và phát triển thêm bản sắc văn hóa của mỗi dân tộc.

Thứ năm, có chung một nhà nước (nhà nước dân tộc). Nhà nước là một tổ chức điều hành, quản lý các hoạt động xã hội của dân tộc - quốc gia. Nhà nước đặc trưng cho thể chế chính trị của dân tộc, là đại diện cho dân tộc trong quan hệ, hợp tác với các quốc gia dân tộc khác trên thế giới.

Theo nghĩa hẹp, dân tộc có một số đặc trưng cơ bản sau:

Cộng đồng về ngôn ngữ, bao gồm ngôn ngữ nói, ngôn ngữ viết hoặc chỉ riêng ngôn ngữ nói. Đây là tiêu chí cơ bản nhất để phân biệt các tộc người khác nhau và là vấn đề luôn được các dân tộc coi trọng và giữ gìn.

Cộng đồng về văn hóa, bao gồm văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể ở mỗi tộc người, phản ánh truyền thống, lối sống, phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo của tộc người đó. Lịch sử phát triển của các tộc người gắn liền với lịch sử văn hóa của họ.

Ý thức tự giác tộc người. Đây là tiêu chí quan trọng nhất để phân định một tộc người và có vị trí quyết định đối với sự tồn tại và phát triển của mỗi tộc người. Đặc trưng

nổi bật là các tộc người luôn tự ý thức về nguồn gốc của dân tộc, là ý thức về sự tồn tại và phát triển của mỗi tộc người dù cho có bất cứ tác động bên ngoài nào.

Mặc dù hai cách hiểu trên về khái niệm dân tộc tuy không đồng nhất nhưng lại luôn có sự gắn bó mật thiết với nhau, không thể tách rời, giống như 54 dân tộc của Việt Nam tuy có những sự khác biệt nhưng luôn là một đại gia đình, là một khối thống nhất không thể tách rời.

1.2. Chủ nghĩa Mác-Lênin về vấn đề dân tộc

1.2.1. Hai xu hướng khách quan của sự phát triển dân tộc

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin, sự phát triển của dân tộc diễn ra theo hai xu hướng chính:

Xu hướng tách rời: Xuất phát từ ý thức dân tộc và khát vọng tự do, các cộng đồng đấu tranh để giành độc lập hoặc tách ra thành một thực thể riêng. Điều này có thể do áp bức, bóc lột hoặc mong muốn quyền tự quyết. Lịch sử đã chứng kiến nhiều cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, từ Việt Nam đến châu Phi, hay các phong trào ly khai ở nhiều nơi trên thế giới.

Xu hướng liên hiệp: Các dân tộc trong một quốc gia hoặc giữa nhiều quốc gia hợp tác với nhau để phát triển. Điều này có thể mang tính áp đặt (thực dân, bành trướng) hoặc tự nguyện (liên minh kinh tế, chính trị, quân sự như EU, ASEAN). Ngày nay, xu hướng này ngày càng mạnh mẽ do sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia trên nhiều lĩnh vực.

Cả hai xu hướng đều tồn tại song song, tác động qua lại và định hình sự phát triển của thế giới hiện đại.

1.2.2. Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác-Lênin

Cương lĩnh dân tộc là một tập hợp các nguyên tắc, các mục tiêu, đường lối... được đề ra để thúc đẩy sự phát triển của các dân tộc. Lênin, trên cơ sở những nghiên cứu của C.Mác, và kinh nghiệm có được từ phong trào cách mạng ở Nga cũng như trên thế giới, đã đưa ra những ý chính như sau:¹

¹ Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia-Sự thật, tr.203.

Thứ nhất là bình đẳng giữa các dân tộc. Đây là nguyên tắc thiêng liêng, khẳng định rằng mọi dân tộc, dù lớn hay nhỏ, có trình độ phát triển cao hay thấp, đều có quyền và nghĩa vụ ngang nhau. Không một dân tộc nào được giữ đặc quyền đặc lợi hay áp bức, bóc lột dân tộc khác. Trong một quốc gia đa dân tộc, pháp luật phải bảo vệ quyền bình đẳng giữa các dân tộc, đồng thời có chính sách hỗ trợ để thu hẹp khoảng cách về kinh tế, văn hóa, xã hội do lịch sử để lại. Trên phạm vi quốc tế, quyền bình đẳng giữa các dân tộc gắn liền với cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, chống sự áp bức và bóc lột của các nước tư bản phát triển đối với các nước kém phát triển. Bình đẳng dân tộc là điều kiện quan trọng để thực hiện quyền tự quyết và xây dựng quan hệ hợp tác, hữu nghị giữa các dân tộc trên thế giới.

Thứ hai là quyền dân tộc tự quyết, khẳng định rằng mỗi dân tộc có quyền tự quyết định số phận của mình mà không chịu sự can thiệp từ bên ngoài. Quyền này bao gồm việc lựa chọn thể chế chính trị – xã hội, con đường phát triển của dân tộc mình, cũng như quyền thành lập một quốc gia độc lập nếu đó là nguyện vọng chính đáng. Đồng thời, các dân tộc cũng có thể tự nguyện liên kết với các dân tộc khác trên cơ sở bình đẳng và cùng có lợi, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển và bảo vệ chủ quyền trước nguy cơ xâm lược. Tuy nhiên, quyền này phải gắn liền với lập trường của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, tránh bị các thế lực đế quốc lợi dụng để can thiệp vào nội bộ các nước khác. Lênin nhấn mạnh rằng chủ nghĩa đế quốc thường sử dụng chiêu bài “dân tộc tự quyết” để chia rẽ, thao túng và duy trì sự thống trị của mình. Vì vậy, các phong trào dân tộc cần có sự lãnh đạo của giai cấp công nhân để đảm bảo mục tiêu giải phóng dân tộc gắn liền với giải phóng giai cấp, tiến tới chủ nghĩa xã hội.

Thứ ba là liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc. Đây là nguyên tắc cốt lõi trong cương lĩnh dân tộc của Lênin, nhằm đảm bảo sự thống nhất giữa phong trào giải phóng dân tộc và phong trào cách mạng vô sản. Sự liên kết này giúp tăng cường sức mạnh, đảm bảo thắng lợi trong đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc và giành độc lập dân tộc. Đây cũng là điều kiện cần thiết để các dân tộc bị áp bức có đủ lực lượng đánh bại các thế lực thống trị. Chủ tịch Hồ Chí Minh từng khẳng định: “Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản”. Vì vậy, liên hiệp công nhân đóng vai trò gắn kết ba nội dung của cương lĩnh, tạo nền tảng vững chắc cho sự nghiệp giải phóng dân tộc và tiến bộ xã hội.

Tóm lại, cương lĩnh dân tộc của Lênin là một bộ phận quan trọng trong cương lĩnh cách mạng của giai cấp công nhân, là cơ sở lý luận cho đường lối, chính sách dân tộc của Đảng Cộng sản và Nhà nước xã hội chủ nghĩa. Nội dung này không chỉ khẳng định quyền bình đẳng và tự quyết của các dân tộc mà còn nhấn mạnh sự cần thiết của liên minh giữa giai cấp công nhân các dân tộc để đấu tranh vì độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội.

Tóm tắt chương 1

Như vậy, qua chương 1 chúng ta đã có cái nhìn bao quát về định nghĩa và những đặc trưng cơ bản của dân tộc, cũng như quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về vấn đề dân tộc.

Thứ nhất, thuật ngữ “dân tộc” có thể hiểu theo hai nghĩa. Theo nghĩa rộng, nó ám chỉ một cộng đồng người là công dân của một quốc gia có chủ quyền được quản lý bởi nhà nước, có nền kinh tế, chính trị, văn hóa bền vững, có ngôn ngữ chung và được duy trì trong suốt quá trình xây dựng và phát triển của đất nước. Theo nghĩa hẹp, nó ám chỉ một tập thể người có đặc điểm, hình thái và ngôn ngữ riêng, được hình thành và phát triển tự nhiên trên cùng một lãnh thổ, có sự liên kết cộng đồng một cách bền vững theo lịch sử. Những đặc trưng cơ bản của dân tộc đó là: có ngôn ngữ chung, có lãnh thổ riêng, có nền kinh tế ổn định và thống nhất về văn hóa - tín ngưỡng.

Thứ hai, chủ nghĩa Mác-Lênin cho rằng có hai xu hướng khách quan cho sự phát triển của dân tộc và đưa ra ba cương lĩnh về vấn đề dân tộc. Hai xu hướng phát triển bao gồm: sự tách rời - một cộng đồng người nhận thức về vấn đề dân tộc cùng những quyền lợi họ đáng được hưởng đứng lên để thành lập một dân tộc riêng; sự liên hiệp - các dân tộc trong một quốc gia hoặc nhiều quốc gia muốn liên kết lại với nhau, có thể hiểu theo hướng các dân tộc muốn hợp tác với nhau hoặc một dân tộc xâm lược một dân tộc khác. Ba cương lĩnh chính trị mà Lênin đưa ra đó là: các dân tộc bình đẳng - tất cả các dân tộc trên thế giới đều có các quyền và nghĩa vụ như nhau trên tất cả các lĩnh vực; các dân tộc có quyền tự quyết - mỗi dân tộc đều có quyền được tự quyết định lấy vận mệnh, chế độ chính trị và con đường phát triển của dân tộc mình; liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc - là biểu hiện cho sự giải phóng giai cấp, giải phóng dân tộc, tinh thần đoàn kết tốt đẹp trên toàn thế giới.

Chương 2. THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH DÂN TỘC CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC VIỆT NAM HIỆN NAY

2.1. Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam

2.1.1. Về chính trị

Trong quá trình xây dựng và phát triển đất nước, chính sách dân tộc giữ vai trò quan trọng trong việc đảm bảo bình đẳng, củng cố đoàn kết và tạo điều kiện cho các dân tộc cùng tiến bộ, phát triển bền vững. Đặc biệt, đối với đồng bào dân tộc thiểu số, chính sách này góp phần nâng cao nhận thức về tinh thần đoàn kết, trách nhiệm và lòng yêu nước, từ đó chung tay xây dựng đất nước giàu mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Đảng xác định công tác dân tộc là nhiệm vụ chiến lược, gắn kết cộng đồng, bảo đảm quốc phòng, an ninh, chủ quyền quốc gia. Từ Đại hội II đến V, nguyên tắc “đoàn kết, bình đẳng giữa các dân tộc” được nhấn mạnh. Đại hội VI đề ra nhiều giải pháp cải thiện chính sách dân tộc, trong đó Nghị quyết 22/NQ-TW (1989) tập trung phát triển kinh tế - xã hội vùng miền núi, nâng cao đời sống đồng bào dân tộc thiểu số.

Từ Đại hội VI trở đi, nguyên tắc này tiếp tục được điều chỉnh và mở rộng qua các kỳ Đại hội: “bình đẳng, đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau” (Đại hội VI, VII), “bình đẳng, đoàn kết, tương trợ” (Đại hội VIII), “bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển” (Đại hội IX). Hội nghị Trung ương 7 khóa IX thông qua Nghị quyết 24-NQ/TW (2003), đánh dấu bước phát triển quan trọng về chính sách dân tộc.

Đại hội X, XI, XII tiếp tục khẳng định nguyên tắc “bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp đỡ nhau cùng phát triển”, nhấn mạnh vai trò chiến lược của đoàn kết dân tộc trong sự nghiệp cách mạng. Đại hội XIII tiếp tục củng cố nguyên tắc này, ban hành Nghị quyết 43-NQ/TW (2023) nhằm phát huy truyền thống đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng đất nước phồn vinh, hạnh phúc.

Hiến pháp 2013 tạo nền tảng pháp lý vững chắc cho chính sách dân tộc, khẳng định bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng giữa các dân tộc, nghiêm cấm mọi hành vi kỳ thị, chia rẽ dân tộc. Những quy định về quyền công dân, tự do tín ngưỡng, quyền sử dụng ngôn ngữ mẹ đẻ góp phần bảo vệ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, củng cố khối đại đoàn kết toàn dân.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh, đoàn kết toàn dân tộc là yếu tố quyết định sự phát triển bền vững. Người nhấn mạnh chính sách dân tộc phải đảm bảo bình đẳng, hỗ trợ nhau, hướng tới chủ nghĩa xã hội, góp phần xây dựng đất nước “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Đảng xác định bình đẳng dân tộc gắn với công bằng xã hội, không cào bằng mà tạo điều kiện để các dân tộc phát huy tiềm năng, thu hẹp khoảng cách phát triển. Đây là quá trình dài hạn, cần chính sách phù hợp theo từng giai đoạn.

2.1.2. Về kinh tế - xã hội

Chính sách dân tộc trong kinh tế - xã hội nhằm phát triển toàn diện vùng miền núi, nâng cao đời sống, thu hẹp khoảng cách vùng miền. Về kinh tế, chú trọng khai thác tiềm năng từng vùng, thúc đẩy phát triển bền vững. Về xã hội, tập trung an sinh, giảm nghèo, nâng cao giáo dục, y tế phù hợp với đặc thù từng dân tộc. Đồng thời, tăng cường vai trò hệ thống chính trị cơ sở trong hỗ trợ, tuyên truyền, giúp đồng bào tiếp cận chính sách ưu đãi, góp phần củng cố đại đoàn kết dân tộc, tạo nền tảng vững chắc cho sự ổn định và phát triển chung của đất nước.

Chính sách dân tộc của Đảng được cụ thể hóa qua nhiều nghị quyết, chỉ thị quan trọng nhằm phát triển kinh tế - xã hội, gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh tại các vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Các nghị quyết như 37-NQ/TW (2004) về vùng trung du và miền núi Bắc Bộ, 10-NQ/TW (2002) về Tây Nguyên, 21-NQ/TW (2003) về Đồng bằng sông Cửu Long, và 39-NQ/TW (2004) về Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ, cùng các kết luận sau đó, đã tạo nền tảng phát triển bền vững cho các khu vực này.

Từ năm 2003, Đảng tiếp tục đổi mới chính sách dân tộc với các chỉ thị của Ban Bí thư, như Chỉ thị 45-CT/TW (1994) về công tác tại vùng dân tộc Mông, Chỉ thị 19-CT/TW (2018) về đồng bào Khmer, và Chỉ thị 62-CT/TW (1995) về người Hoa. Những chính sách này khẳng định sự quan tâm nhất quán của Đảng trong phát triển kinh tế - xã hội, củng cố đại đoàn kết dân tộc.

Hiến pháp 2013 cũng hiến định trách nhiệm của Nhà nước trong bảo đảm quyền lợi đồng bào dân tộc thiểu số, với các chính sách ưu tiên về y tế, giáo dục, an sinh xã hội (Điều 58, 61). Quốc hội tiếp tục cụ thể hóa chủ trương này bằng Nghị quyết 88/2019/QH14, phê duyệt Đề án phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030. Chương trình mục tiêu quốc gia này thể hiện sự

thống nhất trong quan điểm của Đảng và Nhà nước, nhằm đảm bảo bình đẳng, đoàn kết giữa các dân tộc, khai thác tiềm năng và phát triển bền vững đất nước.

Hiện nay, chính sách dành cho đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đã mở rộng và đổi mới qua các giai đoạn, phù hợp với bối cảnh phát triển. Chính sách tập trung vào kinh tế, giảm nghèo, giáo dục, y tế, văn hóa, đào tạo nhân lực và nâng cao năng lực hệ thống chính trị.

Các chính sách giảm nghèo tập trung hỗ trợ sản xuất, tạo sinh kế, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống hộ nghèo, tiêu biểu như Chương trình Giảm nghèo bền vững, Chương trình 30a, Chương trình 135 và các chính sách hỗ trợ đất ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt. Trong giáo dục - đào tạo, học sinh, sinh viên DTTS&MN được miễn giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập. Lĩnh vực y tế chú trọng bảo hiểm y tế, hỗ trợ cán bộ y tế vùng khó khăn. Về đào tạo nguồn nhân lực, Chính phủ triển khai Đề án phát triển cán bộ DTTS nhằm nâng cao chất lượng lãnh đạo địa phương.

2.1.3. Về văn hóa

Đảng và Nhà nước Việt Nam xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm bản sắc dân tộc, chú trọng bảo tồn văn hóa truyền thống, phát triển ngôn ngữ và nâng cao đời sống văn hóa. Nhà nước đào tạo cán bộ văn hóa, xây dựng môi trường phù hợp cho các dân tộc, đồng thời đẩy mạnh hợp tác quốc tế nhưng vẫn giữ gìn bản sắc. Song song đó, cần đấu tranh chống tệ nạn xã hội và “diễn biến hòa bình” trong lĩnh vực tư tưởng – văn hóa, bảo vệ nền văn hóa dân tộc và ổn định xã hội.

Hiến pháp 2013 khẳng định nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là quốc gia thống nhất, nơi các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và cùng phát triển. Mọi hành vi kỳ thị, chia rẽ dân tộc bị nghiêm cấm. Tiếng Việt là ngôn ngữ quốc gia, nhưng các dân tộc có quyền sử dụng tiếng nói, chữ viết riêng và bảo tồn bản sắc văn hóa, phong tục, tập quán tốt đẹp của mình. Nhà nước có trách nhiệm hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số phát triển và hội nhập với đất nước (Khoản 1, 2, 3, 4 Điều 5). Bên cạnh đó, Hiến pháp quy định quyền của đồng bào dân tộc thiểu số với tư cách công dân, bao gồm quyền tự do đi lại, cư trú, xuất nhập cảnh (Điều 23); quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo, và sự bình đẳng giữa các tôn giáo (Điều 24). Công dân cũng được bảo đảm quyền an sinh xã hội

(Điều 34), tiếp cận văn hóa (Điều 41), tự xác định dân tộc, sử dụng tiếng mẹ đẻ và lựa chọn ngôn ngữ giao tiếp (Điều 42).

Bên cạnh các chính sách dân tộc do Trung ương ban hành, nhiều tỉnh, thành đã chủ động ban hành chính sách phù hợp với đặc thù địa phương. Giai đoạn 2016-2020, 45 tỉnh, thành ban hành 282 đề án, kế hoạch hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội cho đồng bào DTTS. Một số địa phương có chính sách đặc thù như hỗ trợ thoát nghèo (Quảng Nam, Quảng Ngãi) hay tạo điều kiện học tập cho người DTTS (Quảng Ngãi, TP. Hồ Chí Minh). Nhiều tỉnh thành như Quảng Ninh, Hà Nội, Vĩnh Phúc, Yên Bái, Thanh Hóa, Đồng Nai đã chủ động đề xuất giải pháp và bố trí nguồn lực thực hiện hiệu quả.

2.1.4. Về quốc phòng - an ninh

Đảng và Nhà nước chú trọng củng cố quốc phòng, đảm bảo an ninh chính trị, trật tự xã hội, đặc biệt tại vùng đồng bào DTTS. Các lực lượng phối hợp chặt chẽ để nâng cao hiệu quả bảo vệ an ninh, gắn kết quân đội với nhân dân, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân. Chính sách dân tộc không chỉ tập trung vào phát triển kinh tế - xã hội mà còn đảm bảo an ninh, chủ quyền tại khu vực biên giới, miền núi và hải đảo, hướng đến phát triển bền vững và bảo vệ quốc gia. Đảng và Nhà nước xác định vùng đồng bào DTTS&MN là khu vực trọng yếu, có vị trí chiến lược về quốc phòng, an ninh và đối ngoại. Khu vực này trải dài dọc biên giới phía Bắc, phía Tây, đồng thời là cửa ngõ kết nối Việt Nam với khu vực và thế giới.

Ngày 17/10/2019, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII họp, tổng kết 15 năm thực hiện Nghị quyết 24-NQ/TW (12/3/2003) về công tác dân tộc. Bộ Chính trị đánh giá công tác dân tộc đạt nhiều thành tựu toàn diện, củng cố lòng tin của đồng bào DTTS đối với Đảng, Nhà nước. Ngày 30/10/2019, Bộ Chính trị ban hành Kết luận 65-KL/TW, tiếp tục thực hiện Nghị quyết 24-NQ/TW trong bối cảnh mới.

Việc thực hiện chính sách dân tộc còn được cụ thể hóa thông qua 5 chỉ thị và các kết luận của Ban Bí thư về đổi mới công tác đối với một số dân tộc từ năm 2003 đến nay. Cụ thể: (i) Chỉ thị số 45-CT/TW ngày 23/9/1994 của Ban Bí thư về một số công tác tại vùng đồng bào dân tộc Mông; (ii) Thông tri số 03/TT-TW ngày 17/10/1991 của Ban Bí thư về công tác đối với vùng đồng bào Chăm; (iii) Chỉ thị số 68/CT-TW ngày 18/4/1991, nhằm tăng cường công tác tại vùng đồng bào dân tộc Khmer trong bối cảnh

mới; (iv) Chỉ thị số 62-CT/TW ngày 08/11/1995 của Ban Bí thư về việc “Tăng cường công tác người Hoa trong tình hình mới”. Những chỉ thị này đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo quyền lợi, nâng cao đời sống kinh tế - xã hội và giữ vững sự ổn định tại các khu vực có đông đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống.

Như vậy, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta được xây dựng trên nguyên tắc toàn diện, đảm bảo mọi mặt của đời sống xã hội và mối quan hệ giữa các dân tộc trong cộng đồng quốc gia. Việc phát triển kinh tế - xã hội ở vùng đồng bào dân tộc không chỉ là nền tảng để thu hẹp khoảng cách phát triển, mà còn góp phần củng cố khối đại đoàn kết và đảm bảo quyền bình đẳng giữa các dân tộc. Chính sách này mang tính cách mạng, tiến bộ và nhân văn sâu sắc, không bỏ sót bất kỳ dân tộc nào, kiên quyết đấu tranh chống mọi biểu hiện kỳ thị, chia rẽ. Đồng thời, Nhà nước chú trọng phát huy nội lực của từng dân tộc, kết hợp với sự hỗ trợ thiết thực từ các dân tộc anh em trên cả nước.

2.2. Thực trạng thực hiện chính sách dân tộc ở Việt Nam

2.2.1. Những thành tựu đạt được trong việc thực hiện chính sách dân tộc ở Việt Nam thời gian qua

2.2.1.1. Trong lĩnh vực kinh tế

Nhằm thu hẹp chênh lệch kinh tế giữa các dân tộc thiểu số, Nhà nước ban hành nhiều chính sách hỗ trợ sinh kế, xoá đói giảm nghèo. Qua nghị quyết đại hội Đảng, Đảng ta xác định công tác dân tộc là chiến lược cơ bản, lâu dài, cấp bách và là nhiệm vụ của Đảng, toàn dân, toàn quân và toàn bộ hệ thống chính trị. Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/06/2020 và nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 đã ban hành nhằm tạo điều kiện phát triển cho các dân tộc thiểu số. Thủ tướng đã ban hành Quyết định 1719/QĐ-TTg ngày 14/11/2021 và Thông tư 02/2022/TT-UBDT ngày 28/11/2022 của Ủy ban Dân tộc đã quy định về Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi 2021 – 2030.

Nhà nước hỗ trợ dân tộc thiểu số và vùng miền núi bằng nhiều chính sách lớn nhằm thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các dân tộc. Kết quả của các chính sách hỗ trợ ấy được thể hiện rõ ràng thông qua tình hình kinh tế – xã hội của miền núi và đồng bào các dân tộc thiểu số trong 10 năm trở lại đây thông qua “báo cáo Tổng kết Nghị quyết số

26-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn thực hiện trên địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi của Ủy ban Dân tộc cho thấy: Tốc độ tăng trưởng kinh tế vùng dân tộc thiểu số và miền núi khá cao, giai đoạn 2016 – 2018 đạt bình quân 7% và tăng dần hàng năm, cao hơn bình quân chung của cả nước (năm 2016 tăng 6,67% nhưng đến năm 2018 tăng 7,56%, trong đó có 21/52 địa phương có tốc độ tăng trưởng bình quân GDP năm 2018 đạt trên 8%). Tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh hàng năm. Bình quân toàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi giảm 4%/năm, riêng các xã đặc biệt khó khăn giảm trên 4%/năm trở lên; các huyện nghèo giảm 5 – 6%/năm trở lên”¹. Tiếp theo đến giai đoạn 2016 – 2019, theo số liệu được thống kê trong Nghị quyết 36a, đã có 8/64 huyện nghèo thoát nghèo, 14/30 huyện nghèo hưởng cơ chế thoát khỏi tình trạng khó khăn, 124 xã và 1.322 thôn đặc biệt khó khăn ra khỏi diện đầu tư của Chương trình 135; có 1.052/5.266 xã đạt chuẩn Nông thôn mới, trong đó có 106/2.139 xã đặc biệt khó khăn đạt chuẩn Nông thôn mới; có 27 huyện thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi thuộc 31 tỉnh, thành phố hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Và cho đến năm 2020, cả nước có 5.506 xã (62%) đạt chuẩn Nông thôn mới.

2.2.1.2. Trong lĩnh vực văn hoá – xã hội

Đại hội Đảng XIII nhấn mạnh vai trò của văn hóa dân tộc trong phát triển bền vững, giảm chênh lệch vùng miền và hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số. Đảng, Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách bảo tồn ngôn ngữ và di sản văn hóa. Quyết định 53/CP (1980), Nghị định 82/2010/NĐ-CP và Chỉ thị 38/CT-TTg (2004) quy định về dạy và học tiếng dân tộc. Quyết định 1270/QĐ-TTg (2011) và 2493/QĐ-TTg (2016) phê duyệt phương án bảo tồn văn hóa. Bộ Văn hóa ban hành các quyết định tổ chức hoạt động văn hóa, và Nghị định 05/2011/NĐ-CP giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc.

Sự hiệu quả của các chính sách mà Đảng, Chính phủ và các cơ quan ban hành đã thể hiện rõ qua các kết quả thu được cụ thể. Hiện nay, 27/53 dân tộc thiểu số có bộ chữ

¹ Kim Hằng. (27/08/2021). *Một số chính sách lớn của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc đã thúc đẩy vùng đồng bào DTTS và miền núi từng bước phát triển kinh tế ổn định cuộc sống*. Cổng Thông tin điện tử Ủy ban Dân tộc. Truy cập từ: <http://dtg.ubdt.gov.vn/nguyen-cuu-trao-doi/mot-so-chinh-sach-lon-cua-dang-va-nha-nuoc-ve-van-de-dan-toc-da-thuc-day-vung-dong-bao-dtts-va-mien-nui-tung-buoc-phat-trien-kinh-te-on-dinh-cuoc-song.htm>.

viết riêng của mình như Tày, Thái, Hoa, Ê-đê...đang được bảo tồn và phát huy¹. Một số ngôn ngữ dân tộc cũng đã được sử dụng trên các kênh truyền hình, đài phát thanh², được sử dụng để in ấn trong các tác phẩm văn nghệ truyền thống và trong các sáng tác mới. Hiện nay, theo thống kê từ Vụ Giáo dục Dân tộc, Bộ Giáo dục và Đào tạo, cả nước đã có trên 30 tỉnh thành thực hiện triển khai dạy tiếng dân tộc thiểu số³; năm học 2022 – 2023 cả nước đã có 535 trường dạy tiếng dân tộc với 4176 lớp học và 117699 học sinh⁴. Nhiều hoạt động giao lưu văn hóa được tổ chức, nâng cao chất lượng bảo tồn di sản, với các di sản như Không gian văn hóa công chiêng Tây Nguyên, Thực hành Then được UNESCO công nhận. Địa phương cũng khai thác văn hóa để phát triển du lịch, như làng du lịch Đá Bia (Hòa Bình) và Sin Suối Hồ (Lai Châu), góp phần bảo tồn truyền thống, phát triển kinh tế và giảm nghèo.

2.2.1.3. Trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo

Nhằm tạo điều kiện cho đồng bào dân tộc thiểu số tới trường, Đảng và Nhà nước đã có một số chính sách ưu tiên. Nghị định Số 141/2020/NĐ-CP được Chính phủ ban hành ngày 8/12/2020 đã quy định rõ về chế độ cử tuyển đối với học sinh sinh viên dân tộc thiểu số. Hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú cũng đang ngày càng được củng cố và phát triển. Thông tư số 04/2023/TT-BGDĐT ban hành ngày 23/2/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Điều 55 Nghị định 125/2024/NĐ-CP đã quy định về quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú. Các nguồn kinh phí được cấp cho các trường học có học sinh là dân tộc thiểu số với mục tiêu giúp các em tiếp cận với chương trình giáo dục hiện đại.

Tính hiệu quả của các chính sách giáo dục đối với đồng bào dân tộc thiểu số được thể hiện rõ. Các địa phương đã hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, tỷ

¹ Nguyễn Thị Song Hà. (18/08/2023). *Chính sách bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số ở Việt Nam*. Truy cập từ: <https://www.tuyengiao.vn/chinh-sach-bao-ton-va-phat-huy-gia-tri-van-hoa-cac-dan-toc-thieu-so-o-viet-nam-150434>.

² Phạm Văn Lam. (14/11/2017). *Phát thanh-truyền hình bằng tiếng dân tộc: Ngôn ngữ, phương ngữ nào cần được phát sóng*. Truy cập từ: <https://tiasang.com.vn/khoa-hoc-cong-nghe/phat-thanhtruyen-hinh-bang-tieng-dan-toc-ngon-ngu-phuong-ngu-nao-can-duoc-phat-song-11030/>.

³ Báo Lào Cai. (20/06/2024). *Cả nước có 30 tỉnh, thành phố dạy tiếng dân tộc thiểu số*. Truy cập từ: <https://byvn.net/Bb6x>.

⁴ Báo Lào Cai. (20/06/2024). *Cả nước có 30 tỉnh, thành phố dạy tiếng dân tộc thiểu số*. Truy cập từ: <https://byvn.net/Bb6x>.

lệ học sinh dân tộc thiểu số đi học đúng độ tuổi đạt 98,6%, và 93,2%¹ hoàn thành chương trình tiểu học và trung học cơ sở. Hệ thống trường phổ thông dân tộc nội trú và bán trú cũng đạt hiệu quả, với 318 trường nội trú phục vụ 105.000 học sinh, 1.139 trường bán trú tại 29 tỉnh với 245.080 học sinh, cùng 2.176 trường có học sinh bán trú. Ngoài ra, có 4 trường dự bị đại học ở vùng cao Việt Bắc với khoảng 3.000 học sinh/năm. Cơ sở vật chất và trang thiết bị trong các trường cũng được cải thiện.

2.2.1.4. Trong lĩnh vực y tế và chăm sóc sức khỏe

Đảng và Nhà nước đã ban hành nhiều chính sách hỗ trợ sức khỏe cộng đồng dân tộc thiểu số. Luật Bảo hiểm y tế sửa đổi năm 2014 quy định cấp miễn phí bảo hiểm y tế cho người dân tộc thiểu số. Thông tư 41/2014 miễn giấy chuyển viện khi điều trị bệnh nặng. Chất lượng khám chữa bệnh được cải thiện với đầu tư trang thiết bị, đào tạo y bác sĩ. Đề án 1816 cử bác sĩ từ tuyển trên hỗ trợ tuyển dưới. Bộ Y tế triển khai dự án nâng cấp hệ thống y tế cơ sở tại 13 tỉnh và quyết định 2415/QĐ-BYT về chăm sóc sức khỏe, dinh dưỡng cho đồng bào dân tộc thiểu số.

Sự hiệu quả của các chính sách trong thời gian qua cũng đã được thể hiện rõ rệt. Việc cấp Bảo hiểm y tế miễn phí cho đồng bào dân tộc thiểu số theo số liệu đến năm 2020 đạt 96,12%². Người dân tộc thiểu số cũng được tiếp cận với các cơ sở khám chữa bệnh công khi Nhà nước đã quan tâm đầu tư mạng lưới y tế công. Hiện nay cả nước có khoảng 99,4% số xã có trạm y tế, trong đó có khoảng 94,4% trạm y tế xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế³. Dự án đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở cũng đã góp phần hoàn thành được 465 công trình, trong đó có 451 trạm y tế và 14 trung tâm y tế, đào tạo được 11410 cán bộ y tế cơ sở là người dân tộc thiểu số⁴. Số lượng trẻ em được tiếp cận với tiêm chủng đang ngày càng gia tăng. Có địa phương đạt 99% người dân là dân tộc thiểu số những vẫn đạt tỷ lệ tiêm chủng 100%.

¹ Thu Hằng. (18/08/2023). *Chính sách ưu đãi giáo dục cho học sinh vùng đồng bào dân tộc thiểu số*. Truy cập từ: <https://vov2.vov.vn/phap-luat/chinh-sach-uu-dai-giao-duc-cho-hoc-sinh-vung-dong-bao-dan-toc-thieu-so-44188.vov2>.

² Hoàng Lan. (23/10/2023). *Quyền được chăm sóc y tế công cộng của người dân tộc thiểu số ở Việt Nam*. Truy cập từ: <https://byvn.net/9DQW>.

³ Hoàng Lan. (23/10/2023). *Quyền được chăm sóc y tế công cộng của người dân tộc thiểu số ở Việt Nam*. Truy cập từ: <https://byvn.net/9DQW>.

⁴ Công thông tin Bộ Y tế. (31/10/2024). *Tập trung hoàn thiện Dự án đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở sử dụng vốn Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam (WB) đáp ứng mục tiêu và tiến độ*. Truy cập từ: <https://byvn.net/Unpd>.

2.2.2. Những thách thức hiện tại trong việc thực hiện chính sách dân tộc ở Việt Nam

2.2.2.1. Thách thức về kinh tế và phát triển bền vững

Trong những năm qua, dù Đảng và Nhà nước đã có nhiều chính sách phát triển kinh tế cho đồng bào dân tộc, nhưng vẫn còn nhiều thách thức về kinh tế và phát triển bền vững do nhiều nguyên nhân.

Thứ nhất, tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số vẫn còn cao. Mặc dù trong những năm qua, công tác phát triển kinh tế dân tộc thiểu số đã đạt được nhiều thành tựu quan trọng, tuy vậy tỷ lệ hộ nghèo vẫn còn cao so với mặt bằng chung của cả nước. Năm 2024, tỷ lệ hộ nghèo dân tộc thiểu số đạt dưới 13,5%¹, mặc dù thể hiện dấu hiệu khả quan, nhưng so với tỷ lệ chung của cả nước là dưới 1,9%² thì đây vẫn là con số tương đối lớn. Để có thể đạt được con số chung của cả nước đòi hỏi cơ quan các cấp phải nỗ lực hơn nhiều nhằm đảm bảo được tính đồng bộ và hiệu quả.

Thứ hai, tỷ lệ hộ tái nghèo trong cộng đồng dân tộc thiểu số vẫn còn cao. Tình trạng rút bảo hiểm một lần, cùng với tệ nạn xã hội như ma túy và mại dâm, ảnh hưởng tiêu cực đến đời sống kinh tế - xã hội. Từ năm 2017 đến 2022, lực lượng Công an và Bộ đội Biên phòng tỉnh Quảng Trị đã bắt 1447 đối tượng vi phạm pháp luật ma túy, trong đó có 439 đối tượng là người miền núi và dân tộc thiểu số³. Ngoài ra, việc thực hiện các chính sách như dạy nghề và hỗ trợ lao động nghèo chưa đạt hiệu quả cao. Do đó, cần điều chỉnh và xây dựng các chính sách kịp thời trong thời gian tới.

Thứ ba, hạ tầng giao thông vùng dân tộc thiểu số còn thiếu đồng bộ. Tại Bắc Giang, 70% đường trục thôn, bản được cứng hoá, tuy nhiên, do đồng bào chủ yếu sống quanh núi và bị chia cắt bởi nhiều sông, suối nên nhu cầu về cầu, đường kết nối tại vùng đồng

¹ Báo cáo viên. (31/12/2024). *Giảm nghèo 2024: Tỷ lệ nghèo đa chiều dưới 1,9%, vượt các mục tiêu được giao*. Truy cập từ: <https://baocaovien.vn/tin-tuc/giam-ngheo-2024-ty-le-ngheo-da-chieu-duoi-1-9-vuot-cac-muc-tieu-duoc-giao/162169.html>.

² Báo cáo viên. (31/12/2024). *Giảm nghèo 2024: Tỷ lệ nghèo đa chiều dưới 1,9%, vượt các mục tiêu được giao*. Truy cập từ: <https://baocaovien.vn/tin-tuc/giam-ngheo-2024-ty-le-ngheo-da-chieu-duoi-1-9-vuot-cac-muc-tieu-duoc-giao/162169.html>.

³ Hoàng Giang. (21/08/2023). *Đẩy mạnh phòng chống ma túy, tệ nạn xã hội trong vùng dân tộc thiểu số và miền núi*. Truy cập từ: <https://tiengchuong.chinhphu.vn/day-manh-phong-chong-ma-tuy-te-nan-xa-hoi-trong-vung-dan-toc-thieu-so-va-mien-nui-113230821094337196.htm>.

bào dân tộc thiểu số và miền núi rất lớn¹. Dù đã cải thiện, nhiều tuyến đường chưa được bê tông hóa, gây khó khăn kết nối vùng. Cầu dân sinh yếu, ảnh hưởng vận chuyển hàng hóa. Cần giải quyết những thách thức này để nâng cao hiệu quả đầu tư và phát triển kinh tế bền vững.

Cuối cùng, hầu hết dân tộc thiểu số vẫn còn sản xuất theo phương thức truyền thống, như canh tác ruộng bậc thang phụ thuộc vào nước mưa, dẫn đến hiệu quả thấp. Nhiều nơi, người dân chỉ trồng 1 vụ lúa, vụ còn lại đất nông nghiệp bỏ hoang, năng suất lúa bình quân chỉ đạt 15 tạ/ha². Cần thúc đẩy người dân tiếp cận phương thức sản xuất hiện đại để tăng năng suất lao động và nguồn lợi kinh tế.

2.2.2.2. Thách thức về bảo tồn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc

Văn hóa dân tộc thiểu số góp phần tạo nên bản sắc Việt Nam. Trong bối cảnh hội nhập, giao lưu văn hóa tất yếu nhưng cũng đặt ra thách thức trong bảo tồn và phát huy giá trị truyền thống.

Một là, cơ sở vật chất phục vụ hoạt động văn hóa ở địa phương còn thiếu thốn và lạc hậu. Theo thống kê từ Ủy ban Dân tộc, chỉ hơn 70% số xã đồng bằng bào dân tộc thiểu số có nhà văn hóa sinh hoạt cộng đồng³. Nhiều nhà văn hóa đã xuống cấp hoặc chỉ mang tính hình thức, không có hoạt động cụ thể. Thực trạng này hạn chế khả năng tổ chức và ảnh hưởng đến việc giữ gìn bản sắc dân tộc.

Hai là, nhiều phong tục tập quán của dân tộc thiểu số bị ảnh hưởng bởi công nghiệp hóa và hiện đại hóa, làm lạc mất bản sắc văn hóa. Tuy nhiên, nhiều phong tục lạc hậu vẫn tồn tại, gây hệ lụy cho xã hội, đặc biệt là tình trạng tảo hôn vẫn còn cao, với 500 cặp tảo hôn vào năm 2023⁴. Do đó, việc tuyên truyền và giáo dục đóng vai trò vô cùng quan trọng.

¹ Dũng Hiếu. (23/05/2023). *Phát triển hạ tầng giao thông vùng dân tộc thiểu số nhằm xóa đói giảm nghèo*. Truy cập từ: <https://vneconomy.vn/phat-trien-ha-tang-giao-thong-vung-dan-toc-thieu-so-nham-xoa-doi-giam-ngheo.htm>.

² Hà Anh. (31/10/2023). *Chuyển đổi phương thức sản xuất giúp đồng bào dân tộc thiểu số có sinh kế bền vững*. Truy cập từ: <https://baodantoc.vn/chuyen-doi-phuong-thuc-san-xuat-giup-dong-bao-dan-toc-thieu-so-co-sinh-ke-ben-vung-1703527090467.htm>.

³ Bàn Tuấn Năng. (26/05/2023). *Ngăn ngừa sự mai một của văn hóa dân tộc thiểu số*. Truy cập từ: <https://ct.qdnd.vn/van-hoa-xa-hoi/ngan-ngua-su-mai-mot-cua-van-hoa-dan-toc-thieu-so-528969>.

⁴ Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên (2023). *Báo cáo số 4957/BC-UBND ngày 24/10/2023 về sơ kết thực hiện Đề án 498 giai đoạn II (2021 – 2025) và Tiểu Dự án 2, Dự án 9 “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi” thuộc Chương trình Mật*

Ba là, nhiều di sản văn hóa phi vật thể như ngôn ngữ, chữ viết, trang phục, nghề thủ công đang có nguy cơ thất truyền. Năm 2019, chỉ 15,9% người dân tộc thiểu số từ 15 tuổi trở lên biết đọc, viết chữ dân tộc mình, giảm 0,9% so với 2015. Dân tộc Ê-đê có tỷ lệ cao nhất (38,8%), thấp nhất là Co, Lự (0,8). Chỉ 5,5% người dân tộc thiểu số biết sử dụng nhạc cụ truyền thống, cao nhất là Ba Na (19,3%)¹. Đây là hồi chuông cảnh báo về bảo tồn văn hóa dân tộc thiểu số.

Bốn là, nhiều hoạt động văn hóa dân tộc thiểu số đang bị thương mại hóa quá mức, khiến lễ hội truyền thống xa rời giá trị ban đầu và ảnh hưởng đến truyền thống dân tộc. Trong khi mục đích của các hoạt động này là lan rộng nét đẹp dân tộc và thúc đẩy giá trị cộng đồng. *“Có lễ hội của người Mông, nhà tổ chức đã làm “sân khấu hóa” phong bật xanh đỏ và hàng loạt các băng rôn, khẩu hiệu, là những thứ không thuộc không gian văn hóa truyền thống của đồng bào dân tộc. Một số bài hát, điệu nhảy vốn không phải của dân tộc Mông, cũng được thể hiện, thậm chí còn do những đội văn nghệ chuyên nghiệp do người Kinh biểu diễn chứ không phải người Mông múa hát.”*².

Cuối cùng, ảnh hưởng của yếu tố ngoại lai khiến giá trị văn hóa dân tộc dần bị thay thế, tạo xung đột thế hệ. Đặc biệt, so với các dân tộc thiểu số khác, mức độ mai một giá trị văn hóa truyền thống ở các dân tộc có số dân dưới 1.000 người đang ở mức nghiêm trọng. Tỷ lệ đồng bào ở nhà truyền thống của các dân tộc này rất thấp, như dân tộc Brâu (1,5%) và Rơ Măm (1,5%)³. Khi người lớn gìn giữ truyền thống, nhiều bạn trẻ chạy theo xu hướng mới, xa rời cội nguồn. Nếu không kịp thời xử lý, điều này sẽ ảnh hưởng đến sự bền vững của cộng đồng dân tộc thiểu số.

2.2.2.3. Thách thức về giáo dục và nguồn nhân lực

Trong phát triển kinh tế - xã hội, giáo dục đào tạo và nguồn nhân lực là yếu tố quyết định tương lai lâu dài, nhưng công tác thực hiện vẫn gặp nhiều khó khăn.

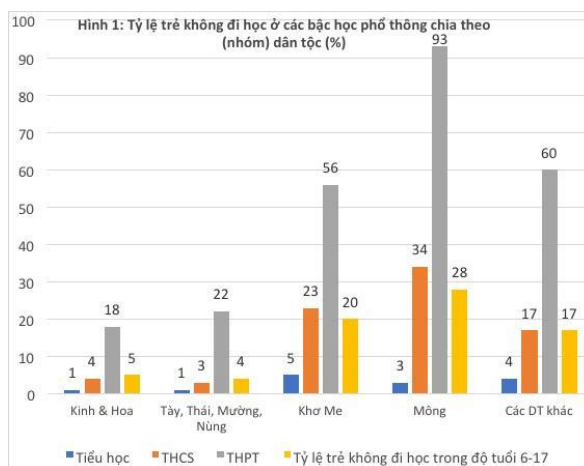
trận Tổ quốc phát triển kinh tế – xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 – 2025.

¹ Yên Khê. (02/11/2023). Bảo tồn và phát huy giá trị nhạc cụ truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số. Truy cập từ: <https://byvn.net/xYA0>.

² Bảo Mi. (14/11/2023). Đừng làm biến dạng lễ hội dân tộc thiểu số. Truy cập từ: <https://baophapluat.vn/dung-lam-bien-dang-le-hoi-dan-toc-thieu-so-post495068.html>.

³ Anh Phương. (06/10/2023). Cảnh báo sự mai một văn hóa của một số tộc người. Truy cập từ: <https://www.sggp.org.vn/canh-bao-su-mai-mot-van-hoa-cua-mot-so-toc-nguoi-post708677.html>.

Đầu tiên, tỷ lệ học sinh bỏ học vẫn cao, với chỉ khoảng 20% học sinh dân tộc thiểu số Khmer và Mông hoàn thành cấp 3. Nguyên nhân chính là việc học cấp 3, nghề, đại học chưa mang lại lợi ích rõ ràng. Sinh viên dân tộc thiểu số theo chính sách cử tuyển thường gặp thất nghiệp và thiếu sự công nhận xã hội. Điều này trở thành vấn đề nan giải, vì họ là nhân tố quyết định cho sự phát triển lâu dài của địa phương.



Hình 1: Tỷ lệ học sinh không đi học ở các bậc phổ thông chia theo nhóm dân tộc (%)¹

Thứ hai, chất lượng cơ sở đào tạo cho dân tộc thiểu số còn chưa đồng đều, đặc biệt ở vùng núi, nơi chưa được đầu tư. Cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học còn thiếu thốn, gây khó khăn cho quá trình giảng dạy. Tại trường Mẫu giáo Trà Tân (Trà Bồng). Trường với tổng số 189 HS, chủ yếu là đồng bào dân tộc Cor và Hrê. Cơ sở chính hiện tại diện tích nhỏ hẹp, với 4 phòng học dành cho 103 cháu². Giáo viên trình độ cao cũng còn hạn chế. Tại Quảng Nam, Tính đến đầu năm học 2023 - 2024, đội ngũ giáo viên các cấp học của 9 huyện miền núi hiện có tổng cộng 5.060 người; thiếu 873 giáo viên³. Những khó khăn này cần Đảng và Nhà nước có chính sách hỗ trợ hiệu quả.

¹ Đỗ Thị Ngọc Quyên. (03/12/2023). *Giáo dục cho trẻ dân tộc thiểu số: Bất cập và cản trở*. Truy cập từ: <https://tiasang.com.vn/giao-duc/giao-duc-cho-tre-dan-toc-thieu-so-bat-cap-va-can-tro/>.

² Trịnh Phương. (22/01/2024). *Giáo dục ở miền núi: Nhiều nơi cơ sở vật chất còn khó khăn*. Truy cập từ: <https://baoquangngai.vn/giao-duc/202401/giao-duc-o-mien-nui-nhieu-noi-co-so-vat-chat-con-kho-khan-71d30b2/>.

³ Xuân Phú. (20/10/2023). *Giải quyết bài toán thiếu giáo viên ở miền núi: Vẫn chưa có giải pháp khả thi*. Truy cập từ: <https://baoquangnam.vn/giai-quyet-bai-toan-thieu-giao-vien-o-mien-nui-van-chua-co-giai-phap-kha-thi-3004702.html>.

2.2.2.4. Thách thức về môi trường và biến đổi khí hậu

Bên cạnh những yếu tố về con người, thì yếu tố về môi trường và biến đổi khí hậu cũng là một thách thức vô cùng lớn trong việc phát triển của dân tộc thiểu số.

Đầu tiên, tình trạng phá rừng và khai thác tài nguyên bừa bãi đã giảm đáng kể tỷ lệ che phủ rừng, dẫn đến nhiều hệ lụy như sạt lở đất và lũ quét. Ở Tây Nguyên, hiện tượng tụt nước ngầm rất nghiêm trọng, có nơi giảm 3-4 mét, thậm chí trên 10 mét¹. Tình trạng xả thải bừa bãi cũng ảnh hưởng đến cảnh quan và môi trường sống của người dân tộc thiểu số.

Bên cạnh đó, tác động của thiên tai bão lũ ngày càng nghiêm trọng do biến đổi khí hậu. Nhiều cơn bão lớn đã xảy ra, gây thiệt hại lớn về vật chất và con người. Gần đây, cơn bão Yagi đã gây ra thảm họa lũ quét tại làng Nủ, nơi định cư của hơn 100 hộ dân người dân tộc Tày vào rạng sáng 10/9 khiến 33 hộ dân bị vùi lấp, 40 gia đình bị ảnh hưởng, 60 người chết². Hay vào năm 2016, đợt ảnh hưởng của không khí lạnh đã gây mưa tuyết và băng giá. Nhiệt độ thấp nhất các khu vực phổ biến từ 4-7 độ C, Đồng Văn là - 0,4 độ C. Rét đậm, rét hại làm 704 con đại gia súc bị chết và 412 ha cây trồng bị hư hại³.

2.2.3. Quan điểm phê phán về việc thực hiện chính sách dân tộc ở Việt Nam

Trong quá trình thực hiện CSĐT, có những luận điệu xuyên tạc cho rằng chính sách còn mang tính hình thức, thiếu nguồn lực, thiếu đồng bộ và không bảo đảm tính công bằng. Tuy nhiên, những quan điểm này là thiếu căn cứ và cần được bác bỏ bằng những lập luận cụ thể.

Thứ nhất, có quan điểm cho rằng CSĐT mang tính hình thức, thiếu nguồn lực thực hiện. Một số chương trình có tỷ lệ cấp vốn thấp so với kế hoạch ban đầu, như giai đoạn 2006 – 2010 chỉ đạt 67,45% nhu cầu vốn, giai đoạn 2011 – 2014 đạt 40,7% kế hoạch

¹ Trương Minh Đức. (16/08/2021). *Suy thoái môi trường và vấn đề phát triển bền vững vùng dân tộc và miền núi*. Truy cập từ: <http://bienphongvietnam.gov.vn/suy-thoai-moi-truong-va-van-de-phat-trien-ben-vung-vung-dan-toc-va-mien-nui.html>.

² Hoàng Phương. (22/12/2024). *Khánh thành khu tái định cư làng Nủ*. Truy cập từ: <https://vnexpress.net/khanh-thanh-khu-tai-dinh-cu-lang-nu-4830672.html>.

³ Thanh Tùng. (17/05/2022). *Tập trung nguồn lực khắc phục hậu quả thiên tai vùng dân tộc và miền núi*. Truy cập từ: <https://dtg.baotainguyenmoitruong.vn/tap-trung-nguon-luc-khac-phuc-hau-qua-thien-tai-vung-dan-toc-va-mien-nui-339901.html>.

vốn¹. Một số chính sách như Quyết định 32/2007/QĐ-TTg cho vay lãi suất 0% nhưng mức vay thấp, gây khó khăn trong sản xuất. Tuy nhiên, thực tế cho thấy Chính phủ luôn quan tâm và tăng cường nguồn lực cho CSDT. Việc phân bổ vốn dựa trên điều kiện kinh tế từng giai đoạn với tỷ lệ tăng dần theo năm. Các chương trình như Chương trình 135, Nông thôn mới đã giúp cải thiện cơ sở hạ tầng và hỗ trợ người dân phát triển kinh tế. Quyết định 32/2007/QĐ-TTg chỉ là một trong nhiều chính sách hỗ trợ, bên cạnh các chương trình đào tạo nghề, khuyến nông, khuyến lâm.

Thứ hai, một số ý kiến cho rằng CSDT thiếu đồng bộ, không hiệu quả do nhiều bộ, ngành quản lý riêng lẻ, gây khó khăn khi triển khai. Chẳng hạn, chính sách cử tuyển sinh viên DTTS nhưng thiếu chính sách việc làm sau tốt nghiệp, gây khó khăn cho người học. Tuy nhiên, trên thực tế, Nhà nước đang từng bước hoàn thiện hệ thống chính sách, điển hình là Nghị quyết số 88/2019/QH14 và Chương trình Mục tiêu Quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng ĐBDTTS&MN giai đoạn 2021 – 2030. Các chính sách này giúp nâng cao hiệu quả thực thi và hỗ trợ đồng bào dân tộc một cách toàn diện hơn. Ngoài ra, chính sách hỗ trợ việc làm như Đề án 1956 về đào tạo nghề cho lao động nông thôn, chính sách ưu tiên tuyển dụng công chức, viên chức người dân tộc thiểu số đã góp phần giải quyết vấn đề việc làm cho sinh viên dân tộc thiểu số sau khi tốt nghiệp.

Thứ ba, có ý kiến cho rằng CSDT chưa bảo đảm công bằng cho mọi đối tượng trên cùng một địa bàn. Ví dụ, Chương trình 135 tập trung nhiều vào hạ tầng (95,2% vốn) trong khi ít đầu tư vào đào tạo cán bộ (0,83%), phát triển sản xuất (3,2%)². Tuy nhiên, thực tế cho thấy, hạ tầng là nền tảng quan trọng giúp phát triển sản xuất và nâng cao đời sống nhân dân. Khi đường sá, điện, nước, trường học được xây dựng đầy đủ, người dân mới có điều kiện phát triển kinh tế và tiếp cận giáo dục. Ngoài ra, các chính sách đào tạo cán bộ và hỗ trợ sản xuất vẫn được triển khai nhưng cần thời gian để phát huy hiệu quả.

Tóm lại, các luận điệu xuyên tạc về CSDT ở Việt Nam là không có cơ sở, bỏ qua những thành tựu đã đạt được và quá trình hoàn thiện chính sách của Đảng, Nhà nước.

¹ Sơn Phước Hoan. Hướng tiếp cận trong xây dựng và triển khai chính sách dân tộc trong giai đoạn mới. *Tạp chí Cộng sản*, số 9/2014.

² Báo Nhân Dân. (27/12/2016). *Hoàn thiện chính sách dân tộc, phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*. Truy cập từ: <https://nhandan.vn/hoan-thien-chinh-sach-dan-toc-phat-trien-vung-dong-bao-dan-toc-thieu-so-va-mien-nui-post281724.html>.

Thực tế cho thấy, CSĐT đang từng bước được cải thiện, giúp nâng cao đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số, thu hẹp khoảng cách vùng miền và bảo đảm sự phát triển bền vững.

2.3. Giải pháp tiếp tục thực hiện chính sách dân tộc ở Việt Nam trong thời gian tới

2.3.1. Giải pháp về hoàn thiện cơ chế, chính sách

Hoàn thiện cơ chế, chính sách là yếu tố then chốt để triển khai hiệu quả chính sách dân tộc, thúc đẩy phát triển bền vững và đảm bảo công bằng xã hội. Trong bối cảnh hội nhập và biến động kinh tế - xã hội, cần xây dựng hệ thống pháp luật minh bạch, khả thi, phù hợp thực tiễn, thể hiện cam kết vững chắc đối với phát triển toàn diện và bền vững.

Thứ nhất, hoàn thiện chính sách theo hướng đồng bộ, khả thi, phù hợp thực tiễn. Cần rà soát, loại bỏ chính sách lạc hậu, bổ sung chính sách mới, ưu tiên hỗ trợ kinh tế, giáo dục, đào tạo nghề gắn với nhu cầu thị trường. Đảm bảo phân bổ nguồn lực công bằng, tránh chồng chéo, đồng thời tăng cường giám sát để chính sách đến đúng đối tượng. Chính sách phải sát với đặc điểm dân cư, văn hóa, địa lý từng vùng, hướng đến giảm nghèo bền vững, nâng cao chất lượng nhân lực, bảo tồn văn hóa, từ đó tạo nền tảng cho sự phát triển lâu dài và củng cố đại đoàn kết dân tộc.

Thứ hai, phân cấp, phân quyền rõ ràng giữa trung ương và địa phương nhằm nâng cao hiệu quả thực thi chính sách. Chính quyền địa phương cần chủ động triển khai các chương trình phù hợp với điều kiện từng vùng. Ở miền núi phía Bắc, cần ưu tiên hạ tầng giao thông, nông nghiệp bền vững thích ứng với địa hình và khí hậu, kết hợp phát triển du lịch cộng đồng gắn với bảo tồn văn hóa. Tây Nguyên cần tập trung đầu tư thủy lợi, hỗ trợ công nghệ chế biến nông sản và thúc đẩy hợp tác xã để nâng cao giá trị sản phẩm. Chính sách linh hoạt, phù hợp với đặc thù vùng miền sẽ giúp thu hẹp khoảng cách phát triển giữa các khu vực, hướng tới một xã hội phát triển bền vững và hài hòa.

Thứ ba, để phát huy đại đoàn kết dân tộc, cần tăng cường giám sát chính sách, đảm bảo minh bạch, hiệu quả và ngăn chặn thất thoát. Trao quyền giám sát cho cộng đồng giúp kiểm soát thực thi, bảo vệ quyền lợi người dân. Kinh nghiệm quốc tế đã khẳng định hiệu quả của sự tham gia cộng đồng: Báo cáo Phát triển Con người (UNDP, 2022) cho thấy, những quốc gia áp dụng hệ thống giám sát công khai, đa chiều đạt kết quả nổi

bật trong giảm nghèo và thúc đẩy bình đẳng xã hội. Điển hình, mô hình hội đồng giám sát cộng đồng tại Ấn Độ đã giúp hạn chế thất thoát ngân sách trong các chương trình hỗ trợ nông thôn. Từ đó, Việt Nam cần xây dựng cơ chế giám sát đa chiều với sự tham gia của người dân, tổ chức xã hội và báo chí, giúp phản ánh thực trạng triển khai chính sách, kịp thời điều chỉnh phù hợp, tạo nền tảng vững chắc cho phát triển bền vững và công bằng xã hội.

Cuối cùng, để tiếp tục phát huy những thành tựu đạt được, Đảng và Nhà nước cần tập trung đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác dân tộc có đủ phẩm chất, năng lực chuyên môn, đồng thời thực hiện chính sách ưu tiên hợp lý nhằm tạo điều kiện để họ phát huy vai trò trong hệ thống chính trị. Cần đẩy mạnh công tác tuyển dụng, quy hoạch, bố trí cán bộ phù hợp, kết hợp với các chương trình bồi dưỡng chuyên môn, trao đổi kinh nghiệm, giúp đội ngũ này nắm vững chính sách, cập nhật xu hướng mới và đề xuất giải pháp hiệu quả. Bên cạnh đó, công tác tuyên truyền cần gắn với lợi ích thiết thực của đồng bào, đa dạng hóa hình thức triển khai nhằm tạo sự đồng thuận xã hội, củng cố khối đại đoàn kết dân tộc và thúc đẩy phát triển bền vững.

2.3.2. Giải pháp về phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số

Phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số là chìa khóa thu hẹp khoảng cách, nâng cao chất lượng sống và thúc đẩy công bằng xã hội. Đầu tư hiệu quả không chỉ tạo nền tảng bền vững mà còn gắn kết cộng đồng, hướng tới thịnh vượng chung.

Thứ nhất, Đảng và Nhà nước tiếp tục đẩy mạnh công tác tập trung phát triển sản xuất gắn với xóa đói, giảm nghèo bền vững cho vùng đồng bào dân tộc thiểu số, nhằm khai thác tiềm năng địa phương, nâng cao thu nhập và thu hẹp khoảng cách phát triển. Cần chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đa dạng sinh kế, mở rộng sản xuất hàng hóa theo hướng bền vững. Đẩy mạnh khuyến nông, khuyến lâm, đào tạo nghề, hỗ trợ vốn và chuyển giao kỹ thuật, xây dựng vùng chuyên canh chất lượng cao. Đồng thời, ứng dụng khoa học công nghệ, thu hút doanh nghiệp đầu tư nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua công tác “Tăng cường cung cấp thông tin thị trường lao động, tư vấn, hướng nghiệp, giới thiệu việc làm tại chỗ, việc làm ở các khu công nghiệp, thành thị cho đồng bào DTTS. Thực hiện tốt chính sách hỗ trợ lao động thuộc hộ nghèo, người DTTS thuộc các huyện nghèo, xã, thôn, bản đặc biệt khó khăn đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

và thỏa thuận quản lý lao động qua biên giới với các nước láng giềng để hạn chế rủi ro cho đồng bào DTTS đi làm thuê ngắn hạn”¹.

Thứ hai, cần đẩy mạnh đầu tư đồng bộ hạ tầng kinh tế - xã hội nhằm nâng cao tỷ lệ đạt chuẩn nông thôn mới, cải thiện đời sống người dân và kết nối giao thương. Chính sách cần ưu tiên phát triển giao thông liên vùng, đường đến trung tâm xã, thôn bản; kiên cố hóa trường học, trạm y tế, chợ, nhà văn hóa; đảm bảo nước sinh hoạt và điện lưới quốc gia. Bên cạnh đầu tư công, cần khuyến khích khu vực tư nhân tham gia để đa dạng nguồn lực. Các dự án như cao tốc Nội Bài – Lào Cai, chương trình "Điện về bản làng" đã chứng minh hiệu quả rõ rệt trong kết nối kinh tế và nâng cao chất lượng sống. Ngoài ra, phát triển viễn thông, công nghệ thông tin sẽ hỗ trợ sản xuất, sinh hoạt, giúp đồng bào tiếp cận tri thức, nâng cao trình độ dân trí và hội nhập.

Thứ ba, thu hút doanh nghiệp đầu tư vào vùng dân tộc thiểu số để tạo việc làm, nâng cao thu nhập và thúc đẩy sinh kế bền vững. Doanh nghiệp mang lại vốn, công nghệ, kinh nghiệm quản lý, đồng thời hỗ trợ đầu ra sản phẩm. Mô hình hợp tác doanh nghiệp - hợp tác xã tại Đắk Lắk giúp cả phê tăng giá trị xuất khẩu 15%, cải thiện đời sống hàng nghìn hộ dân. Bài học từ Đắk Lắk cho thấy, khi doanh nghiệp và cộng đồng cùng hưởng lợi, tài nguyên được khai thác hiệu quả, tạo giá trị lâu dài. Để nhân rộng thành công, nhà nước cần có chính sách ưu đãi về thuế, hỗ trợ vốn, tạo động lực thu hút đầu tư, mở rộng sản xuất, thúc đẩy giảm nghèo và phát triển nông thôn mới toàn diện, lâu dài.

Cuối cùng, phát triển đồng bộ giáo dục, y tế, văn hóa - xã hội làm nền tảng cho sự phát triển bền vững và gìn giữ bản sắc truyền thống. Đầu tư trường dân tộc nội trú, bán trú, mở rộng đào tạo nghề phù hợp với nhu cầu thực tế. Trong y tế, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh tuyến cơ sở, thu hút nhân lực y tế về vùng khó khăn và đẩy mạnh chăm sóc sức khỏe dự phòng. Về văn hóa, bảo tồn di sản, hỗ trợ nghệ nhân và quảng bá bản sắc dân tộc để phát triển du lịch. Những giải pháp đồng bộ này sẽ nâng cao chất lượng đời sống vật chất và tinh thần của đồng bào, tạo động lực phát triển hài hòa giữa hiện đại và truyền thống.

¹ Nguyễn Thị Dung & Lê Đình Dương. (15/04/2023). *Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong thời kỳ đổi mới: Thực trạng và giải pháp*. Truy cập từ: <https://scholar.dlu.edu.vn/thuvienso>.

2.3.3. Giải pháp về giáo dục, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

Giáo dục là động lực cốt lõi nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, thúc đẩy phát triển bền vững và hội nhập quốc tế. Đầu tư vào giáo dục, đặc biệt ở vùng dân tộc thiểu số, không chỉ mang ý nghĩa nhân văn mà còn là chiến lược dài hạn để củng cố khối đại đoàn kết, đảm bảo độc lập, tự chủ và phát triển đất nước.

Trước tiên, tiếp tục việc đầu tư cơ sở vật chất trường học tại vùng dân tộc thiểu số là ưu tiên hàng đầu, tạo môi trường học tập an toàn, phù hợp với đặc thù địa phương. Việc xây dựng trường bán trú, cung cấp sách giáo khoa, trang thiết bị học tập đã cải thiện điều kiện giáo dục, giảm tỷ lệ bỏ học. Các dự án như "Ánh sáng vùng cao" hay lớp học kiên cố tại Điện Biên, Sơn La giúp học sinh yên tâm học tập, bất chấp điều kiện thời tiết. Đầu tư giáo dục không chỉ là xây dựng trường lớp mà còn là đầu tư cho tương lai, tạo nền tảng phát triển tri thức, góp phần xây dựng xã hội công bằng và bền vững.

Thứ hai, song song với đầu tư cơ sở vật chất, việc nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên là yếu tố then chốt để cải thiện giáo dục vùng dân tộc thiểu số. Giáo viên không chỉ cần giỏi chuyên môn mà còn phải am hiểu văn hóa, phong tục địa phương để giảng dạy hiệu quả. Các chương trình bồi dưỡng giáo viên miền núi đã chứng minh rằng khi giáo viên được đào tạo bài bản, đặc biệt là những người xuất thân từ chính cộng đồng, chất lượng giảng dạy tăng đáng kể, giúp thu hẹp khoảng cách giáo dục giữa miền núi và đồng bằng. Đây là nền tảng quan trọng để phát triển giáo dục bền vững.

Cuối cùng, mở rộng học bổng và hỗ trợ học phí giúp học sinh dân tộc thiểu số có cơ hội học tập công bằng. Các chương trình như "Hỗ trợ học sinh, sinh viên hoàn cảnh đặc biệt", Quỹ Đồng Hành, Quỹ Việt Nam Hiếu Học hay Học bổng Saigonchildren không chỉ giảm gánh nặng tài chính mà còn tiếp thêm động lực để các em vươn lên. Theo Bộ Giáo dục và Đào tạo (2023), nhờ các chính sách này, tỷ lệ học sinh dân tộc thiểu số vào đại học và cao đẳng đã tăng 25% trong 5 năm qua. Học bổng không chỉ hỗ trợ vật chất mà còn tạo động lực phát triển nhân lực chất lượng, đóng góp vào sự phát triển bền vững của cộng đồng và đất nước.

2.3.4. Giải pháp về bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc

Văn hóa chính là hồn cốt dân tộc, là dòng chảy bền bỉ nối liền quá khứ, hiện tại và tương lai. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh từng nói: “Văn hóa soi đường cho quốc dân đi”, tiếp nối tư tưởng ấy, tại Hội nghị Văn hóa toàn quốc năm 2021, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng khẳng định: “Văn hóa còn thì dân tộc còn, văn hóa mất thì dân tộc mất”, nhấn mạnh văn hóa không chỉ là bản sắc mà còn là nền tảng cho sự trường tồn của quốc gia. Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc không chỉ là trách nhiệm mà còn là động lực phát triển trong bối cảnh toàn cầu hóa. Văn hóa không chỉ thể hiện lòng tự tôn dân tộc mà còn góp phần thúc đẩy kinh tế, du lịch và hội nhập quốc tế. Ngày nay, Việt Nam đối mặt với hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ nền độc lập. Để thực hiện khát vọng lớn lao ấy, việc phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng và nâng cao hiệu quả quản lý Nhà nước trong phát triển văn hóa là nhiệm vụ sống còn, bởi văn hóa chính là sức mạnh tinh thần và cội nguồn trường tồn của dân tộc.

Thứ nhất, thúc đẩy việc gìn giữ lễ hội, phong tục, ngôn ngữ, chữ viết và nghề thủ công truyền thống không chỉ là bảo vệ ký ức dân tộc mà còn tiếp nối mạch nguồn văn hóa cho thế hệ mai sau. Điển hình như chương trình “*Bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa cộng đồng Tây Nguyên*”, một di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO công nhận, đã giúp gìn giữ nét đặc trưng độc đáo của cộng đồng Tây Nguyên. Ứng dụng công nghệ số hóa di sản là giải pháp quan trọng giúp kết nối di sản với thế hệ trẻ, tạo nền tảng cho tương lai. Bảo tồn văn hóa không chỉ là giữ lại quá khứ, mà còn là động lực thúc đẩy phát triển bền vững về kinh tế, du lịch và ngoại giao.

Thứ hai, du lịch văn hóa ngày càng khẳng định vai trò quan trọng trong việc bảo tồn bản sắc và phát triển kinh tế. Kết hợp trải nghiệm văn hóa truyền thống như lễ hội, làng nghề, ẩm thực không chỉ giúp du khách hiểu sâu hơn về văn hóa Việt mà còn tạo ra giá trị kinh tế bền vững. Những sự kiện lớn như Festival Huế, Lễ hội Cà phê Buôn Ma Thuật hay Lễ hội Kate góp phần tôn vinh di sản văn hóa và đưa hình ảnh Việt Nam ra thế giới. Đặc biệt, khuyến khích đồng bào dân tộc thiểu số tham gia du lịch giúp bảo tồn phong tục, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống. Các mô hình du lịch cộng đồng tại Sa Pa, Mộc Châu, Hà Giang cho thấy, khi văn hóa được khai thác đúng cách, nó trở thành động lực phát triển bền vững, mang lại lợi ích cho cả cộng đồng.

Sau cùng, giáo dục đóng vai trò then chốt trong việc gìn giữ và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc. Việc tích hợp lịch sử, phong tục, truyền thống vào chương trình học không chỉ giúp học sinh hiểu rõ cội nguồn mà còn nuôi dưỡng lòng tự hào dân tộc. Các chương trình dạy tiếng mẹ đẻ, như tiếng Khmer tại miền Tây Nam Bộ hay tiếng H'Mông, Bana tại Tây Nguyên, góp phần bảo tồn ngôn ngữ và kết nối thế hệ trẻ với văn hóa cộng đồng. Đồng thời, giao lưu văn hóa quốc tế giúp Việt Nam tiếp thu tinh hoa nhân loại, đồng thời quảng bá bản sắc dân tộc trên trường quốc tế. “Chủ động mở rộng việc giao lưu văn hóa với thế giới qua đó tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam để qua đó từng bước khắc phục những hạn chế của người Việt Nam; đồng thời tăng cường quảng bá những giá trị văn hóa của dân tộc Việt Nam trên quy mô thế giới”¹. Đây là hành trình vừa tiếp nhận giá trị toàn cầu, vừa khẳng định bản sắc Việt. Các lễ hội, liên hoan nghệ thuật và chương trình giao lưu quốc tế không chỉ làm phong phú văn hóa Việt mà còn minh chứng cho sức sống mạnh mẽ của di sản dân tộc.

2.3.5. Giải pháp về tăng cường đoàn kết dân tộc và hội nhập quốc tế

Trong dòng chảy lịch sử, sức mạnh của các quốc gia không chỉ đến từ kinh tế hay địa chính trị, mà từ sự gắn kết bền chặt của cộng đồng dân tộc. Khi mỗi cá nhân tìm thấy sự liên kết trong giá trị văn hóa và khát vọng chung, sức mạnh tập thể sẽ trở thành nền tảng vững chắc cho sự phát triển. Tại Việt Nam, tinh thần đoàn kết dân tộc là chìa khóa giúp vượt qua thách thức, nắm bắt cơ hội và phát triển bền vững.

Thứ nhất, để củng cố khối đại đoàn kết dân tộc bền vững, cần đẩy mạnh công tác tuyên truyền và giáo dục về truyền thống đoàn kết và giá trị cốt lõi của dân tộc Việt Nam. Lịch sử đã chứng minh rằng sức mạnh dân tộc bắt nguồn từ lòng dân đồng lòng, ý chí đồng thuận, từ hội nghị Diên Hồng thời Trần đến lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến năm 1946. Khi hàng triệu trái tim chung một ý chí bảo vệ nền độc lập non trẻ, tất cả đều cho thấy tinh thần đoàn kết chính là cội rễ sức mạnh dân tộc. Trong bối cảnh hội nhập, tinh thần này càng quan trọng, thể hiện qua các chương trình như "Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc" thu hút hàng triệu người tham gia, thể hiện sự thống nhất trong đa dạng.

¹ Lê Văn Thuật. (31/12/2022). Nghiên cứu về vai trò của giáo dục trong bảo tồn văn hóa. *Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn*, tập 8, số 2b, tr.183-193. Truy cập từ: <https://csdlkhoahoc.hueuni.edu.vn/data/2023>.

Để tiếp tục phát huy, cần đổi mới nội dung tuyên truyền, lồng ghép bài học lịch sử vào giảng dạy, tổ chức tọa đàm và các cuộc thi trực tuyến. Khi thế hệ trẻ hiểu và tự hào về truyền thống đoàn kết, họ sẽ trở thành cầu nối vững chắc, đóng góp vào sự phát triển bền vững của đất nước.

Thứ hai, trong bối cảnh hội nhập, giao lưu văn hóa giữa các dân tộc trong nước và quốc tế là giải pháp quan trọng để củng cố đại đoàn kết dân tộc. Dù tiềm năng văn hóa chưa được khai thác tối đa cho phát triển kinh tế và ngoại giao, nhưng các sự kiện như Festival Huế, Liên hoan Văn hóa Cồng Chiêng Quốc tế hay Hội chợ Du lịch Quốc tế TP. Hồ Chí Minh đã góp phần quảng bá văn hóa Việt Nam và kết nối cộng đồng. Để nâng cao hiệu quả, Việt Nam cần chiến lược ngoại giao chủ động, kết hợp giữa đối ngoại Đảng, ngoại giao nhà nước và ngoại giao nhân dân, thực hiện phương châm “tranh thủ tối đa nguồn lực bên ngoài”. Khi ngoại giao văn hóa được triển khai hiệu quả, giá trị truyền thống Việt Nam sẽ được lan tỏa, củng cố quan hệ hữu nghị và tạo nền tảng phát triển bền vững trong thời đại toàn cầu hóa.

Cuối cùng, việc xây dựng các cơ chế, chính sách hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số tham gia hội nhập quốc tế là nhiệm vụ quan trọng nhằm đảm bảo sự phát triển hài hòa, bền vững của khối đại đoàn kết dân tộc. Thiếu kỹ năng ngoại ngữ, công nghệ và hiểu biết về hội nhập khiến đồng bào gặp khó khăn trong tiếp cận cơ hội kinh tế và giao lưu quốc tế. Đồng bào dân tộc thiểu số, với vốn văn hóa phong phú và bản sắc độc đáo, chính là những “sứ giả văn hóa” góp phần lan tỏa giá trị Việt Nam ra thế giới. Tuy nhiên, để phát huy tiềm năng ấy, cần trang bị cho họ những kỹ năng cần thiết như ngoại ngữ, công nghệ thông tin và hiểu biết về pháp luật quốc tế. Khi được tiếp cận với tri thức mới, đồng bào không chỉ tự tin hòa nhập với cộng đồng quốc tế mà còn trở thành cầu nối gắn kết giữa truyền thống và hiện đại, giữa dân tộc và thế giới, đóng góp vào sự phát triển chung của đất nước trong kỷ nguyên toàn cầu hóa.

2.4. Liên hệ phát huy vai trò của sinh viên trong việc góp phần thực hiện chính sách dân tộc trong trường học và ở địa phương nơi cư trú

2.4.1. Vai trò của sinh viên trong việc thực hiện chính sách dân tộc

Sinh viên có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ và phát huy văn hóa truyền thống dân tộc theo chính sách của nhà nước, đặc biệt là góp phần vào việc thúc đẩy sự đoàn

kết và phát triển bền vững của các dân tộc. Theo Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 5 (Khóa VIII) và Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ 9 (Khóa XI), Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng nhấn mạnh: “Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, con người Việt Nam phát triển toàn diện đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa”¹. Sinh viên cần trân trọng, lan tỏa những giá trị truyền thống tốt đẹp, góp phần quảng bá văn hóa Việt Nam ra thế giới, tạo sự gắn kết giữa quá khứ và hiện đại. Song song với đó, tinh thần yêu nước và ý thức trách nhiệm đối với cộng đồng cần được thể hiện thông qua các hoạt động tình nguyện, hỗ trợ những khu vực khó khăn, nhất là ở vùng dân tộc thiểu số. Đặc biệt, sinh viên cần tỉnh táo trước các tư tưởng sai lệch, không để bị lôi kéo vào những âm mưu chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc, đồng thời mạnh dạn lên tiếng đấu tranh với những hành vi gây ảnh hưởng tiêu cực đến sự ổn định của đất nước. Hơn nữa, không ngừng học tập, rèn luyện tư duy sáng tạo và nâng cao trình độ chuyên môn là yếu tố cốt lõi giúp sinh viên đáp ứng yêu cầu của thời đại. Khi kết hợp hài hòa giữa tiếp thu tinh hoa văn hóa hiện đại, gìn giữ giá trị truyền thống, nâng cao trách nhiệm xã hội và ý thức chính trị, sinh viên sẽ thực sự trở thành lực lượng nòng cốt trong công cuộc đổi mới, góp phần xây dựng một đất nước giàu mạnh, phát triển bền vững.

2.4.2. Các hình thức sinh viên có thể tham gia thực hiện chính sách dân tộc

Trong trường học:

Sinh viên có thể thực hiện chính sách dân tộc bằng nhiều cách khác nhau trong môi trường học đường, qua đó tăng cường tinh thần đoàn kết, tạo sự gắn kết giữa các dân tộc và thúc đẩy sự hòa nhập, bình đẳng trong cộng đồng.

Thứ nhất, sinh viên cần nâng cao nhận thức về chính sách dân tộc của chính bản thân, ý thức dân tộc Việt Nam được hình thành từ các điều kiện tự nhiên, địa lý, xã hội, kinh tế, chính trị, văn hóa, ngôn ngữ, phong tục tập quán. Mỗi sinh viên cần xây dựng kế hoạch tu dưỡng, rèn luyện và có ý chí quyết tâm, phấn đấu thực hiện dù vấp phải không ít khó khăn, trở ngại; đây là quá trình đấu tranh gian khổ, phức tạp giữa cái tốt và

¹ Trường Đại học Khánh Hòa. (10/03/2020). *Phát huy vai trò của sinh viên trong việc xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*. Truy cập từ: <https://ukh.edu.vn/vi-vn/tong-quan/Khoa/khoa-ly-luan-co-ban/chi-tiet-khoa-ly-luan-co-ban/id/2006/>.

cái xấu, cái đúng với cái sai, cái tích cực với cái tiêu cực, cái văn hóa với cái phản văn hóa; dù vậy trong bất kỳ hoàn cảnh nào, mỗi sinh viên phải nghiêm khắc với chính mình, kiên quyết vượt qua những khó khăn, kiểm chế trước những cám dỗ, miễn dịch trước những tác động tiêu cực từ mặt trái của kinh tế thị trường hiện nay¹.

Thứ hai, tham gia các câu lạc bộ, đội, nhóm trong trường học. Tham gia các câu lạc bộ (CLB) và đội nhóm trong trường là một cách hiệu quả để sinh viên thực hiện chính sách dân tộc, tăng cường tinh thần đoàn kết và hiểu biết giữa các dân tộc. Sinh viên có thể tham gia CLB văn hóa dân tộc để tổ chức các buổi giao lưu, biểu diễn nghệ thuật truyền thống, hoặc CLB tình nguyện nhằm hỗ trợ sinh viên dân tộc thiểu số trong học tập và đời sống. Ngoài ra, các CLB nghiên cứu chính sách dân tộc cũng là môi trường tốt để sinh viên thảo luận, tìm hiểu về chính sách của Đảng và Nhà nước đối với vùng dân tộc thiểu số. Việc tham gia các đội nhóm không chỉ giúp sinh viên phát huy bản sắc văn hóa, gắn kết với bạn bè mà còn nâng cao kỹ năng tổ chức, làm việc nhóm và nhận thức về trách nhiệm của bản thân đối với cộng đồng.

Bên cạnh đó, sinh viên cũng có thể thực hiện chính sách dân tộc thông qua các hoạt động thiện nguyện, hỗ trợ cộng đồng. Một số hoạt động tiêu biểu như dạy học miễn phí cho trẻ em, giúp đỡ sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, quyên góp sách vở, nhu yếu phẩm cho đồng bào vùng sâu, vùng xa. Ngoài ra, sinh viên có thể tham gia các dự án xây dựng cầu đường, hỗ trợ nước sạch, điện sáng hoặc phối hợp cùng các đoàn y bác sĩ tổ chức khám chữa bệnh miễn phí cho người dân vùng khó khăn. Tham gia vào các dự án tự nguyện lớn được Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên tổ chức như mùa hè xanh, xuân tình nguyện. Những hoạt động này không chỉ giúp cải thiện đời sống của đồng bào dân tộc mà còn rèn luyện tinh thần trách nhiệm, lòng nhân ái của sinh viên, giúp họ hiểu hơn về những khó khăn của các dân tộc thiểu số và góp phần xây dựng một xã hội đoàn kết, gắn bó.

Tại địa phương nơi cư trú:

Thứ nhất, sinh viên có thể tham gia các hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chính sách dân tộc tại địa phương. Việc chia sẻ kiến thức về các chủ trương,

¹ Tạp chí Quản lý nhà nước. (21/09/2023). *Nâng cao ý thức dân tộc cho sinh viên Việt Nam*. Truy cập từ: <https://www.quanlynhanuoc.vn/2023/09/21/nang-cao-y-thuc-dan-toc-cho-sinh-vien-viet-nam/>.

chính sách của Đảng và Nhà nước, quyền lợi và nghĩa vụ của đồng bào dân tộc thiểu số sẽ giúp người dân hiểu rõ hơn về chính sách hỗ trợ phát triển, từ đó chủ động tiếp cận các chương trình ưu đãi trong giáo dục, y tế, việc làm. Ngoài ra, sinh viên có thể tận dụng mạng xã hội để lan tỏa các thông tin tích cực, tổ chức các buổi giao lưu, hội thảo nhỏ tại thôn, bản để trao đổi về văn hóa, lịch sử và quyền lợi của các dân tộc.

Thứ hai, sinh viên có thể tham gia bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa truyền thống bằng cách sưu tầm, giới thiệu các nét đẹp văn hóa dân tộc tại quê hương, tham gia vào các lễ hội truyền thống, khuyến khích cộng đồng giữ gìn tiếng nói, chữ viết, phong tục tập quán của dân tộc mình. Hỗ trợ các nghệ nhân địa phương quảng bá nghề thủ công truyền thống, phát triển du lịch cộng đồng cũng là một cách giúp đồng bào phát triển kinh tế gắn với bản sắc dân tộc.

Thứ ba, sinh viên có thể góp sức vào các hoạt động thiện nguyện tại địa phương như tham gia dọn dẹp vệ sinh môi trường, trồng cây xanh, xây dựng các công trình công cộng, hỗ trợ người dân trong sản xuất nông nghiệp, hướng dẫn áp dụng khoa học – kỹ thuật vào chăn nuôi, trồng trọt. Đặc biệt, việc tích cực tham gia các phong trào Đoàn, Hội, các chương trình tình nguyện địa phương sẽ giúp sinh viên có cơ hội đóng góp thiết thực hơn cho cộng đồng.

Những hành động nhỏ nhưng thiết thực này có thể góp phần thể hiện trách nhiệm của mình đối với quê hương, địa phương cư trú, góp phần xây dựng cộng đồng lành mạnh.

2.4.3. Đề xuất các biện pháp phát huy vai trò của sinh viên trong thực hiện chính sách dân tộc

Các trường đại học có thể khuyến khích sinh viên nghiên cứu về chính sách dân tộc thông qua các đề tài khoa học, cuộc thi sáng tạo hoặc các buổi hội thảo, diễn đàn mở. Việc ứng dụng công nghệ cũng là một giải pháp quan trọng, sinh viên có thể tận dụng mạng xã hội để tuyên truyền, xây dựng các kênh thông tin về chính sách dân tộc, chia sẻ câu chuyện truyền cảm hứng về sự đoàn kết và phát triển của các cộng đồng dân tộc. Đồng thời, phát huy vai trò của các câu lạc bộ sinh viên, các nhóm hoạt động xã hội trong việc tổ chức những chương trình giao lưu, hỗ trợ học tập, hướng dẫn kỹ năng sống cho sinh viên dân tộc thiểu số, giúp họ hòa nhập tốt hơn với môi trường học đường.

Tóm tắt chương 2

Chính sách dân tộc ở Việt Nam đã mang lại nhiều thành tựu đáng kể, đặc biệt trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội, giáo dục và y tế. Những chính sách hỗ trợ đã góp phần nâng cao đời sống của đồng bào dân tộc thiểu số, thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội ở các vùng sâu, vùng xa và đảm bảo sự bình đẳng giữa các dân tộc. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả tích cực, quá trình thực hiện vẫn đối mặt với nhiều thách thức như phát triển kinh tế bền vững, bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa, nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo nguồn nhân lực, cũng như ứng phó với những tác động của biến đổi khí hậu.

Để tiếp tục triển khai chính sách dân tộc một cách hiệu quả, cần thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, trong đó quan trọng nhất là hoàn thiện cơ chế, chính sách nhằm đảm bảo tính phù hợp với thực tiễn và nhu cầu phát triển của vùng dân tộc thiểu số. Sinh viên đóng vai trò quan trọng khi có thể tham gia trực tiếp vào các hoạt động tuyên truyền, tổ chức các chương trình giao lưu văn hóa, hỗ trợ học tập cho sinh viên dân tộc thiểu số, cũng như góp sức trong các hoạt động thiện nguyện, giúp đỡ cộng đồng.

Để phát huy hơn nữa vai trò của sinh viên, cần có những biện pháp thiết thực như đổi mới phương thức giáo dục, tạo điều kiện để họ tham gia thực tế, khuyến khích nghiên cứu về chính sách dân tộc và tận dụng công nghệ để lan tỏa thông tin một cách hiệu quả và sinh viên trở thành lực lượng tiên phong trong việc góp phần thực hiện chính sách dân tộc, thúc đẩy sự phát triển bền vững và củng cố tình đoàn kết giữa các dân tộc trên cả nước.

III. KẾT LUẬN

Trong quá trình phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, vấn đề dân tộc ngày càng trở thành một nội dung quan trọng trong các chính sách kinh tế - xã hội. Trước bối cảnh hội nhập quốc tế và toàn cầu hóa, việc đảm bảo quyền lợi và thúc đẩy sự phát triển bền vững cho các DTTS là một yêu cầu cấp thiết nhằm duy trì sự ổn định xã hội và củng cố khối đại đoàn kết dân tộc. Mặc dù đã đạt nhiều thành tựu trong phát triển kinh tế - xã hội, nhưng vẫn còn chênh lệch về mức sống, giáo dục và y tế giữa các dân tộc. Để khắc phục vấn đề này, Đảng và Nhà nước đã triển khai các giải pháp như đầu tư vào vùng DTTS, nâng cao chất lượng giáo dục, y tế và bảo tồn văn hóa dân tộc. Đồng thời, khuyến khích sự tham gia của ĐBDTTS vào quá trình xây dựng chính sách nhằm tăng hiệu quả và tính bền vững.

Thực hiện tốt chính sách dân tộc giúp cải thiện đời sống, củng cố khối đại đoàn kết và tạo nền tảng phát triển bền vững. Khi có điều kiện phát triển tốt hơn, ĐBDTTS sẽ có cơ hội nâng cao tri thức, kỹ năng, tham gia tích cực vào các hoạt động kinh tế - xã hội, góp phần phát triển đất nước. Bên cạnh đó, chính sách dân tộc hợp lý sẽ thúc đẩy sự gắn kết giữa các dân tộc, góp phần tăng cường tinh thần đoàn kết và hỗ trợ lẫn nhau. Khi mỗi dân tộc cảm nhận được sự tôn trọng và vai trò quan trọng của mình trong sự phát triển chung của đất nước, họ sẽ có tinh thần hợp tác cao hơn, từ đó xây dựng một xã hội công bằng, hài hòa và ổn định. Điều này không chỉ giúp giảm thiểu những mâu thuẫn, định kiến giữa các dân tộc mà còn củng cố niềm tin của người dân vào sự lãnh đạo của Đảng và Nhà nước.

Tóm lại, việc quan tâm đến sự ổn định và phát triển của các DTTS là một phần không thể thiếu trong chiến lược phát triển quốc gia. Trong thời đại hội nhập toàn cầu, việc bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa phong phú của các dân tộc không chỉ làm giàu thêm giá trị văn hóa Việt Nam mà còn góp phần nâng cao vị thế của đất nước trên trường quốc tế. Do đó, thực hiện tốt chính sách dân tộc không chỉ là trách nhiệm chính trị mà còn là một chiến lược phát triển bền vững, hướng tới mục tiêu xây dựng một Việt Nam thịnh vượng, công bằng và giàu bản sắc.

IV. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo viên. (31/12/2024). *Giảm nghèo 2024: Tỷ lệ nghèo đã chiều dưới 1,9%, vượt các mục tiêu được giao*. Truy cập từ: <https://baocaovien.vn/tin-tuc/giam-ngheo-2024-ty-le-ngheo-da-chieu-duoi-1-9-vuot-cac-muc-tieu-duoc-giao/162169.html>.
2. Báo điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam. (30/10/2019). *Kết luận số 65-KL/TW ngày 30/10/2019 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa IX về công tác dân tộc trong tình hình mới*. Truy cập từ: <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/ket-luan-so-65-kltw-ngay-30102019-cua-bo-chinh-tri-ve-tiep-tuc-thuc-hien-nghi-quyet-so-24-nqtw-cua-ban-chap-hanh-trung-uong-5802>.
3. Báo Điện tử Đảng Cộng sản Việt Nam.(08/11/2023).*Phát triển du lịch cộng đồng, nâng cao đời sống đồng bào dân tộc thiểu số*. Truy cập từ: <https://dangcongsan.vn/kinh-te/phat-trien-du-lich-cong-dong-nang-cao-doi-song-dong-bao-dan-toc-thieu-so-651481.html>.
4. Báo Lào Cai. (20/06/2024). *Cả nước có 30 tỉnh, thành phố dạy tiếng dân tộc thiểu số*. Truy cập từ: <https://byvn.net/Bb6x>.
5. Báo Nhân Dân. (26/11/2005). *Công chiêng Tây Nguyên được UNESCO công nhận là Kiệt tác phi vật thể của nhân loại*. Truy cập từ: <https://nhandan.vn/cong-chieng-tay-nguyen-duoc-unesco-cong-nhan-la-kiet-tac-phi-vat-the-cua-nhan-loai-post427392.html>.
6. Báo Nhân Dân. (27/12/2016). *Hoàn thiện chính sách dân tộc, phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi*. Truy cập từ: <https://nhandan.vn/hoan-thien-chinh-sach-dan-toc-phat-trien-vung-dong-bao-dan-toc-thieu-so-va-mien-nui-post281724.html>.
7. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2021). *Giáo trình Chủ nghĩa xã hội khoa học*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia-Sự thật.
8. Cổng thông tin Bộ Y tế. (31/10/2024). *Tập trung hoàn thiện Dự án đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở sử dụng vốn Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam (WB) đáp ứng mục tiêu và tiến độ*. Truy cập từ: https://moh.gov.vn/hoat-dong-cua-lanh-dao-bo/-/asset_publisher/TW6LTp1ZtwaN/content/tap-trung-hoan-thien-du-an-au-tu-xay-

dung-va-phat-trien-he-thong-cung-ung-dich-vu-y-te-tuyen-co-so-su-dung-von-ngan-hang-the-gioi-tai-viet-nam-wb-ap-u.

9. Cổng Thông tin điện Ủy ban Dân tộc. (08/08/2019). *Hội thảo công tác thể chế và kết quả phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng an ninh vùng đồng bào dân tộc thiểu số*. Truy cập từ: <http://www.cema.gov.vn/uy-ban-dan-toc-voi-bo-nganh/hoi-thao-cong-tac-the-che-va-ket-qua-phat-trien-kinh-te-xa-hoi-dam-bao-quoc-phong-an-ninh-vung-dong-bao-dan-toc-thieu-so.htm>.
10. Trương Minh Đức. (16/08/2021). *Suy thoái môi trường và vấn đề phát triển bền vững vùng dân tộc và miền núi*. Truy cập từ: <http://bienphongvietnam.gov.vn/suy-thoai-moi-truong-va-van-de-phat-trien-ben-vung-vung-dan-toc-va-mien-nui.html>.
11. Nguyễn Thị Dung & Lê Đình Dương. (15/04/2023). *Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước Việt Nam trong thời kỳ đổi mới: Thực trạng và giải pháp*. Truy cập từ: <https://scholar.dlu.edu.vn/thuvienso>.
12. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2003). *Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa IX) về công tác dân tộc*. Hà Nội: NXB Chính trị Quốc gia.
13. Đảng Cộng sản Việt Nam. (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*. Hà Nội: NXB Chính trị quốc gia-Sự thật.
14. Hoàng Giang. (21/08/2023). *Đẩy mạnh phòng chống ma túy, tệ nạn xã hội trong vùng dân tộc thiểu số và miền núi*. Truy cập từ: <https://tiengchuong.chinhphu.vn/day-manh-phong-chong-ma-tuy-te-nan-xa-hoi-trong-vung-dan-toc-thieu-so-va-mien-nui-113230821094337196.htm>.
15. Nguyễn Thị Song Hà. (18/08/2023). *Chính sách bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa các dân tộc thiểu số ở Việt Nam*. Truy cập từ: <https://www.tuyengiao.vn/chinh-sach-bao-ton-va-phat-huy-gia-tri-van-hoa-cac-dan-toc-thieu-so-o-viet-nam-150434>.
16. Thái Hải. (26/09/2021). *Bảo tồn nét đẹp văn hóa các dân tộc thiểu số*. Truy cập từ: <https://thanhtra.com.vn/van-hoa-the-thao-BE2162E3A/bao-ton-net-dep-van-hoa-cac-dan-toc-thieu-so-DE016B2D.html>.
17. Kim Hằng. (27/08/2021). *Một số chính sách lớn của Đảng và Nhà nước về vấn đề dân tộc đã thúc đẩy vùng đồng bào DTTS và miền núi từng bước phát triển kinh tế ổn định cuộc sống*. Truy cập từ: <http://dttg.ubdt.gov.vn/nghien-cuu-trao-doi/mot-so>

chinh-sach-lon-cua-dang-va-nha-nuoc-ve-van-de-dan-toc-da-thuc-day-vung-dong-bao-dtts-va-mien-nui-tung-buoc-phat-trien-kinh-te-on-dinh-cuoc-song.htm.

18. Thu Hằng. (18/08/2023). *Chính sách ưu đãi giáo dục cho học sinh vùng đồng bào dân tộc thiểu số*. Truy cập từ: <https://vov2.vov.vn/phap-luat/chinh-sach-uu-dai-giao-duc-cho-hoc-sinh-vung-dong-bao-dan-toc-thieu-so-44188.vov2>.
19. Học viện Dân tộc. (16/07/2020). *Giải quyết vấn đề dân tộc ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay*. Truy cập từ: <https://hvd.edu.vn/nghien-cuu/nghien-cuu-trao-doi/giai-quyet-van-de-dan-toc-o-viet-nam-trong-giai-doan-hien-nay>. Sơn Phước Hoan. Hướng tiếp cận trong xây dựng và triển khai chính sách dân tộc trong giai đoạn mới. *Tạp chí Cộng sản*, số 9/2014.
20. Yên Khê. (02/11/2023). *Bảo tồn và phát huy giá trị nhạc cụ truyền thống của đồng bào dân tộc thiểu số*. Truy cập từ: <https://dangcongsan.vn/chuong-trinh-muc-tieu-quoc-gia-phat-trien-kinh-te-xa-hoi-vung-dong-bao-dtts-mn/chinh-sach-va-cuoc-song/bao-ton-va-phat-huy-gia-tri-nhac-cu-truyen-thong-cua-dong-bao-dan-toc-thieu-so-645517.html>.
21. Phạm Văn Lam. (14/11/2017). *Phát thanh-truyền hình bằng tiếng dân tộc: Ngôn ngữ, phương ngữ nào cần được phát sóng*. Truy cập từ: <https://tiasang.com.vn/khoa-hoc-cong-nghe/phat-thanh-truyen-hinh-bang-tieng-dan-toc-ngon-ngu-phuong-ngu-nao-can-duoc-phat-song-11030/>.
22. Hoàng Lan. (23/10/2023). *Quyền được chăm sóc y tế công cộng của người dân tộc thiểu số ở Việt Nam*. Truy cập từ: <https://dangcongsan.vn/bao-dam-quyen-cho-nguoi-dan-toc-thieu-so/dua-cong-uoc-vao-cuoc-song/quyen-duoc-cham-soc-y-te-cong-cong-cua-nguoi-dan-toc-thieu-so-o-viet-nam-645668.html>.
23. Lê Văn Lợi. (27/03/2019). *Giải quyết vấn đề dân tộc ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay*. Truy cập từ: <https://tcnn.vn/news/detail/42655/Giai-quyet-van-de-dan-toc-o-VietNam-trong-giai-doan-hien-nay.html>.
24. Bông Mai. (30/3/2024). *[Infographic] Hiện trạng rừng toàn quốc năm 2023*. Truy cập từ: <https://nhandan.vn/infographic-hien-trang-rung-toan-quoc-nam-2023-post802342.html>.

25. Bảo Mi. (14/11/2023). *Đừng làm biến dạng lễ hội dân tộc thiểu số*. Truy cập từ: <https://baophapluat.vn/dung-lam-bien-dang-le-hoi-dan-toc-thieu-so-post495068.html>.
26. Bàn Tuấn Năng. (26/05/2023). *Ngăn ngừa sự mai một của văn hóa dân tộc thiểu số*. Truy cập từ: <https://ct.qdnd.vn/van-hoa-xa-hoi/ngan-ngua-su-mai-mot-cua-van-hoa-dan-toc-thieu-so-528969>.
27. Hồng Nhung. (17/08/2023). *Hát then được UNESCO ghi danh vào danh mục di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại*. Truy cập từ: <https://byvn.net/ELJZ>.
28. Anh Phương. (06/10/2023). *Cảnh báo sự mai một văn hóa của một số tộc người*. Truy cập từ: <https://www.sggp.org.vn/canh-bao-su-mai-mot-van-hoa-cua-mot-so-toc-nguoi-post708677.html>.
29. Đỗ Thị Ngọc Quyên. (03/12/2023). *Giáo dục cho trẻ dân tộc thiểu số: Bắt cập và cản trở*. Truy cập từ: <https://tiasang.com.vn/giao-duc/giao-duc-cho-tre-dan-toc-thieu-so-bat-cap-va-can-tro/>.
30. Trần Quỳnh. (07/09/2012). *Bảo tồn tiếng nói, chữ viết của các dân tộc thiểu số ở Việt Nam*. Truy cập từ: <https://dangcongsan.vn/doi-moi-can-ban-va-toan-dien-giao-duc-dao-tao/dien-dan/bao-ton-tieng-noi-chu-viet-cua-cac-dan-toc-thieu-so-o-viet-nam-347454.html>.
31. Tạp chí Cộng sản. (03/04/2021). *Chính sách dân tộc của Việt Nam qua 35 năm đổi mới*. Truy cập từ: https://tapchicongsan.org.vn/van_hoa_xa_hoi/-/2018/821701/chinh-sach-dan-toc-cua-viet-nam-qua-35-nam-doi-moi.aspx
32. Tạp chí Quản lý nhà nước. (21/09/2023). *Nâng cao ý thức dân tộc cho sinh viên Việt Nam*. Truy cập từ: <https://www.quanlynhanuoc.vn/2023/09/21/nang-cao-y-thuc-dan-toc-cho-sinh-vien-viet-nam/>.
33. Lê Văn Thuật. (31/12/2022). *Nghiên cứu về vai trò của giáo dục trong bảo tồn văn hóa*. *Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn*, tập 8, số 2b, tr.183-193. Truy cập từ: <https://csdlkhoahoc.hueuni.edu.vn/data/2023>.
34. Trường Đại học Khánh Hòa. (10/03/2020). *Phát huy vai trò của sinh viên trong việc xây dựng nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc*. Truy cập từ: <https://ukh.edu.vn/vi-vn/tong-quan/Khoa/khoa-ly-luan-co-ban/chi-tiet-khoa-ly-luan-co-ban/id/2006/>.